



CTY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN  
THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG  
806 Âu Cơ, P.14, Q.TB, TP.HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 17.22 CV/VID-HĐQT  
v/v Công bố Báo cáo thường niên 2021

TP.Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 04 năm 2022

**Kính gửi: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước**  
**Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh**

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông
2. Mã chứng khoán: VID
3. Địa chỉ trụ sở chính: 806 Âu Cơ, Phường 14, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh
4. Điện thoại: 028.38428633 Fax: 028.38425880
5. E-mail: [info@dautuviendong.vn](mailto:info@dautuviendong.vn) Website: <https://dautuviendong.vn>
6. Loại thông tin công bố: 24h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☐ Định kỳ ☒

**Nội dung thông tin công bố:**

- Căn cứ Điều lệ Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông ;
- Căn cứ quy định hiện hành về công bố thông tin của SSC và HOSE;

Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông xin công bố :

Báo cáo thường niên năm 2021

- Xin xem toàn văn báo cáo đính kèm
- CBTT này được đăng tải trên website công ty: [www.dautuviendong.vn](http://www.dautuviendong.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin giải trình trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng,

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Ban QHCD&TT (CBTT)
- Lưu VP, TCKT



**Bùi Quang Mẫn**

CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG



BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN  

---

2021







# MỤC LỤC

## 1

### THÔNG TIN CHUNG

|                                    |    |
|------------------------------------|----|
| Thông tin khái quát                | 7  |
| Quá trình hình thành và phát triển | 9  |
| Ngành nghề và địa bàn kinh doanh   | 11 |
| Mô hình quản trị, bộ máy quản lý   | 12 |
| Định hướng phát triển              | 15 |
| Các yếu tố rủi ro                  | 21 |

## 2

### TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

|                                                                 |    |
|-----------------------------------------------------------------|----|
| Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh                         | 25 |
| Tổ chức và nhân sự                                              | 27 |
| Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án                 | 34 |
| Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty | 38 |
| Tình hình tài chính                                             | 42 |
| Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu              | 46 |

## 3

### BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

|                                                                               |    |
|-------------------------------------------------------------------------------|----|
| Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh                                | 49 |
| Tình hình tài chính                                                           | 51 |
| Cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý                               | 53 |
| Kế hoạch phát triển trong tương lai                                           | 54 |
| Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của ông ty | 55 |

## 4

### ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

|                                                      |    |
|------------------------------------------------------|----|
| Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty   | 59 |
| Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc | 60 |
| Các kế hoạch, định hướng của HĐQT                    | 61 |

## 5

### QUẢN TRỊ CÔNG TY

|                                                                                                       |    |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| Hội đồng quản trị                                                                                     | 65 |
| Ban Kiểm soát                                                                                         | 71 |
| Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát | 76 |

## 6

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

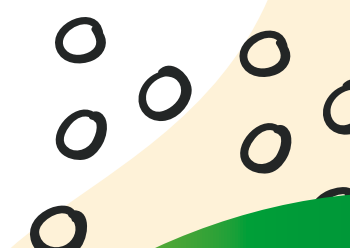
|                                                           |    |
|-----------------------------------------------------------|----|
| Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán | 81 |
| Báo cáo tài chính kiểm toán                               | 89 |





- Thông tin khái quát
- Các giải thưởng và ghi nhận nổi bật
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Mô hình quản trị, bộ máy quản lý
- Định hướng phát triển
- Các yếu tố rủi ro

## THÔNG TIN CHUNG







## THÔNG TIN KHÁI QUÁT



|                           |                                                                                                                          |
|---------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tên giao dịch             | : Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông                                                                 |
| Tên tiếng anh             | : VIEN DONG INVESTMENT DEVELOPMENT TRADING CORPORATION                                                                   |
| Tên viết tắt              | : VIDON CORP                                                                                                             |
| Mã cổ phiếu               | : VID                                                                                                                    |
| Vốn điều lệ               | : 355.107.890.000 đồng                                                                                                   |
| Trụ sở chính              | : Số 806 Âu Cơ, Phường 14, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh                                                                |
| Điện thoại                | : 028.38428633                                                                                                           |
| Fax                       | : 028.38425880                                                                                                           |
| Website                   | : <a href="http://www.dautuviendong.vn">www.dautuviendong.vn</a>                                                         |
| Giấy CNĐKDN               | : Số 0300377536 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp lần đầu ngày 24/10/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 24/09/2021 |
| Công ty kiểm toán độc lập | : Công ty TNHH PKF Việt Nam - Chi nhánh TPHCM                                                                            |





## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty chính thức được thành lập vào ngày 15/04/1974 với tên gọi Viễn Đông Kỹ nghệ Giấy Công ty (VIDOGICO).

1974

Làn gió đổi mới toàn diện và cổ phần hóa theo chủ trương của nhà nước một cách hiệu quả đã giúp cho Công ty Viễn Đông vươn lên mạnh mẽ, trở thành doanh nghiệp có uy tín cao đối với khách hàng trong và ngoài nước.

2000

Ngày 25/12/2006, Công ty chính thức được chấp thuận niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán VID

2006

Công ty chính thức đổi tên thành CTCP Đầu tư và Phát triển Thương mại Viễn Đông.

2009

Hoàn thành cơ bản việc tái cơ cấu doanh nghiệp và tái cơ cấu tài chính, chuyển đổi doanh nghiệp theo mô hình holdings.

2017

Nâng cao công tác quản trị, Công ty đã bầu cử bổ sung thành viên độc lập HĐQT. Ngoài ra, nhằm kiện toàn hệ thống pháp lý, thủ quy định pháp luật và cải tiến bộ máy quản lý, Công ty đã thực hiện sửa đổi, bổ sung và ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động; Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

2018

Trong năm Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức cho năm tài chính 2017 với tỷ lệ 20% (bao gồm 10% bằng tiền mặt và 10% bằng cổ phiếu).

Công ty đã tận dụng cải tạo và sửa chữa các hạng mục công trình hiện có trở thành Trường trung học phổ thông Việt Mỹ Anh địa chỉ tại 806 Âu Cơ, Phường 14, Quận Tân Bình và chính thức đưa trường vào hoạt động từ tháng 08/2019

2019

Công ty phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019 với tỷ lệ 10%. Tăng vốn điều lệ từ 280,7 tỷ đồng lên 308,8 tỷ đồng.

2020

Công ty phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020 với tỷ lệ 15%. Tăng vốn điều lệ từ 308,8 tỷ đồng lên 355,1 tỷ đồng.

2021





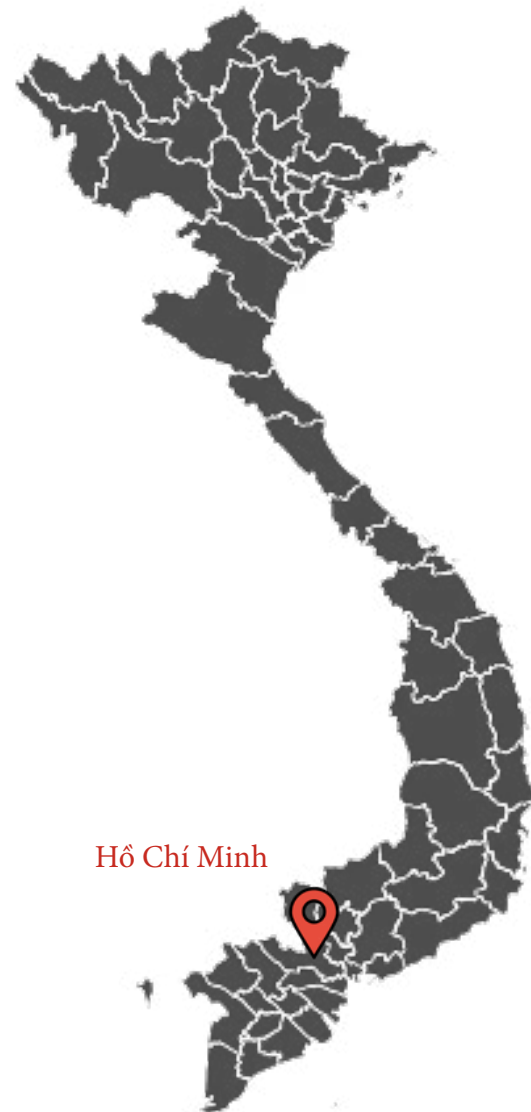
## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Sản xuất kinh doanh và xuất nhập khẩu các sản phẩm từ giấy;
- Đầu tư tài chính vào các công ty con, công ty liên kết;
- Giáo dục các bậc tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông; Giáo dục trung cấp chuyên nghiệp (không hoạt động tại trụ sở); Giáo dục hướng nghiệp tâm lý học đường.



## ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

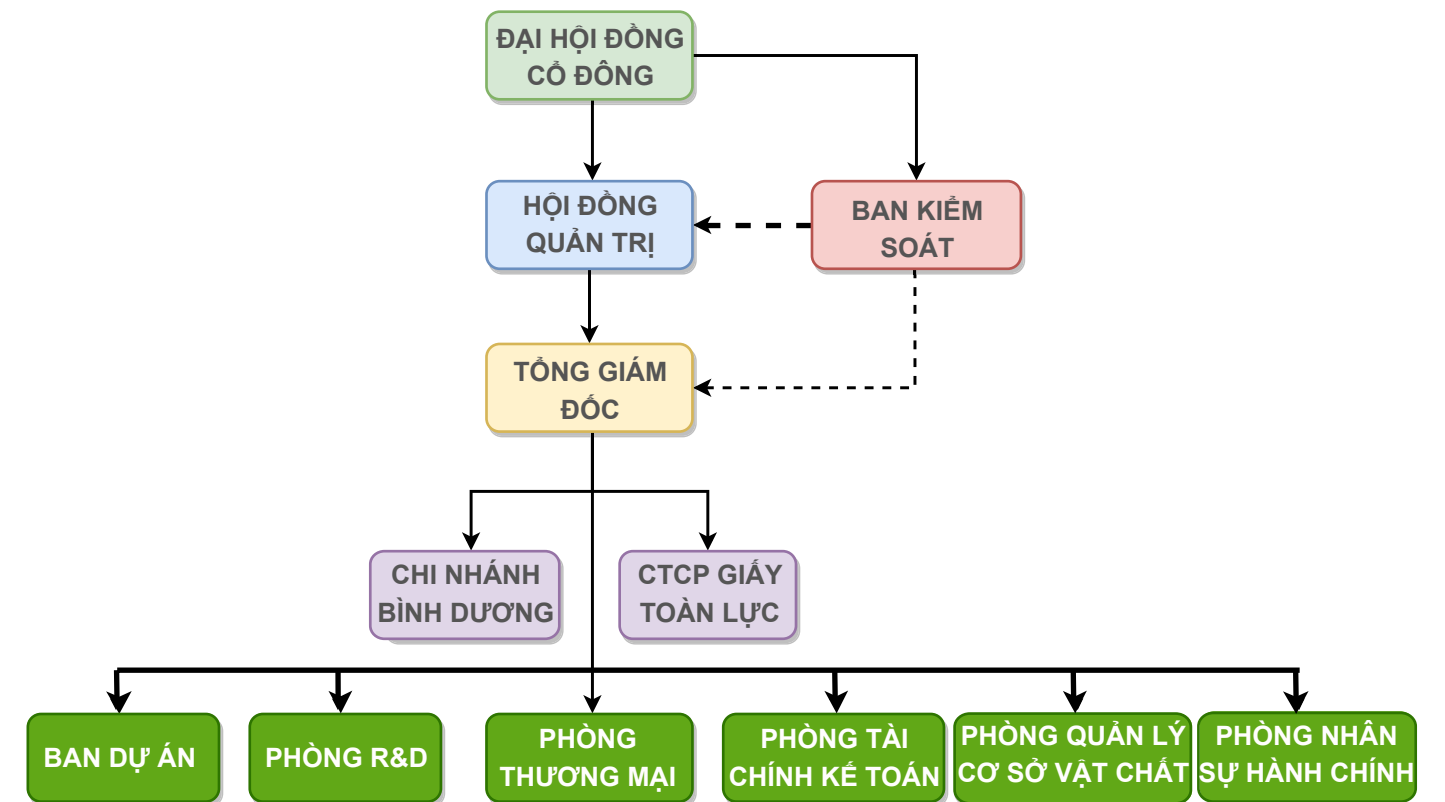
Địa bàn kinh doanh cũng như thị trường mà Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển thương mại Viễn Đông đang hoạt động hiện nay trải dài từ các tỉnh miền Trung vào miền Nam. Trong đó, địa bàn hoạt động trọng điểm của Công ty là tại TP. Hồ Chí Minh.



Hồ Chí Minh



## SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



## MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp, mô hình quản trị công ty gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.

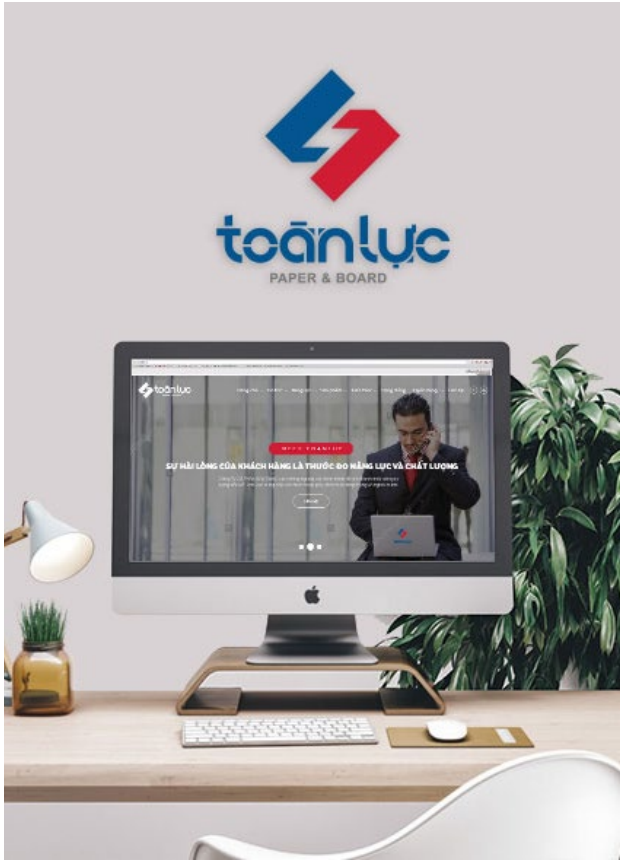






# CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

| STT           | Tên Công ty        | Địa chỉ                                                                                         | Lĩnh vực SXKD chính       | VĐL thực góp (Đồng) | Tỷ lệ sở hữu của VID |
|---------------|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------|----------------------|
| I CÔNG TY CON |                    |                                                                                                 |                           |                     |                      |
| 1             | CTCP Giấy Toàn Lực | Lô A2-8, Đường N5, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh | Thương mại xuất nhập khẩu | 124.923.656.500     | 51,03%               |



| STT                 | Tên Công ty                                | Địa chỉ                                                    | Lĩnh vực SXKD chính                                | VĐL thực góp (Đồng) | Tỷ lệ sở hữu của VID |
|---------------------|--------------------------------------------|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|---------------------|----------------------|
| II CÔNG TY LIÊN KẾT |                                            |                                                            |                                                    |                     |                      |
| 1                   | CTCP Ấn Tượng Việt                         | Lầu 2, số 84, KP4, Đường 30-4, P.Quyết Thắng, Biên Hòa, ĐN | Khu du lịch sinh thái, giáo dục văn hóa nghệ thuật | 30.000.000.000      | 30%                  |
| 2                   | CTCP Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông           | 102A Phó Cơ Điều, P.4, Quận 11, TP.HCM                     | Văn hóa , giáo dục                                 | 33.745.517.000      | 33,27%               |
| 3                   | CTCP Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô        | 29 Phan Đình Phùng, Q.Ninh Kiều, Cần Thơ                   | Văn hóa , giáo dục và cho thuê văn phòng           | 14.841.400.000      | 32,98%               |
| 4                   | CTCP Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt | 252 Lạc Long Quân, P10, Quận 11, TP.HCM                    | Văn hóa , Giáo dục và đào tạo                      | 43.265.000.000      | 28,33%               |
| 5                   | CTCP Chè Minh Rừng                         | Khu 1B, TT Lộc Thắng, Huyện Bảo Lâm, Lâm Đồng              | Chè , cà phê , nông sản                            | 4.749.311.440       | 27,04%               |





### Tầm nhìn

Với phương châm Giáo dục là nền móng cho sự phát triển bền vững của một quốc gia, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông luôn phấn đấu trở thành một tổ chức đầu tư có uy tín nhất trong lĩnh vực phát triển hạ tầng và công nghệ có liên quan đến Giáo dục. Chúng tôi tin rằng giá trị lớn nhất của xã hội nằm ở con người, sự tương tác quan trọng nhất là giữa người với người và tương lai của một đất nước phụ thuộc vào những con người trẻ.

### Sứ mệnh

Dù ở trong bất kỳ bối cảnh xã hội nào, Viễn Đông vẫn tin tưởng một cách xác tín rằng doanh nghiệp vẫn luôn có thể kinh doanh bằng sự tử tế, giữ vững tâm thế người kiến tạo và dựa trên một nền tảng chính trực. Thông điệp “VIỄN ĐÔNG - VÌ CỘNG ĐỒNG” muốn nhắn gửi rằng công ty vốn chưa bao giờ là một cá thể độc lập. Chúng tôi tồn tại để lan tỏa và cộng hưởng các giá trị nhằm tạo ra những điểm tác động lớn hơn, nhắm đến những vấn đề nhức nhối hơn và mong muốn góp phần gây dựng một thế hệ trẻ Việt Nam sống đoàn kết và đầy thao thức phụng sự đất nước.

### Giá trị cốt lõi

Trên tinh thần đề cao sự cộng tác, tính chuyên nghiệp và thể hiện được thông điệp sứ mệnh quan trọng của công ty: “VÌ CỘNG ĐỒNG”, tất cả những hoạt động của chúng tôi nhấn mạnh vào 4 giá trị cốt lõi::

- Rèn luyện thân thể: Dẻo dai, khỏe mạnh
- Tôn vinh giá trị gia đình: Chia sẻ và trách nhiệm
- Chuyên nghiệp trong công tác: Đoàn kết, chỉnh chu
- Tạo giá trị cho xã hội: Cống hiến, nhiệt tâm





## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Các mục tiêu chủ yếu để hiện thực hóa chiến lược phát triển bền vững dài hạn của công ty, bao gồm:

Tiếp tục chuyển đổi hoạt động doanh nghiệp gắn kết với tái cơ cấu tài chính, để trở thành một công ty holdings ngày càng lớn mạnh.

Duy trì và phát triển văn hoá doanh nghiệp, thương hiệu Viễn Đông trên thị trường Việt Nam và các nước trong khu vực.



Xây dựng và giữ vững thương hiệu, đồng thời mở rộng và phát triển đồng bộ các lĩnh vực hoạt động khác mà Công ty đang có ưu thế, tạo nền tảng phát triển một cách ổn định, lâu dài, vững chắc.

Soát xét các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại Công ty con và các Công ty liên kết, tăng cường hiệu quả đầu tư. Đẩy mạnh đầu tư vào các Công ty đang hoạt động trong lĩnh vực giáo dục với nhiều tiềm năng phát triển, tỷ suất lợi nhuận cao và ổn định lâu dài.

Tôn trọng và bảo đảm quyền lợi hợp pháp, chính đáng của cổ đông, nhà đầu tư: công bố thông tin về hoạt động đầu tư-kinh doanh-tài chính theo quy định của pháp luật.

### Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tập trung đầu tư vào phát triển giáo dục và ngành kinh doanh giấy dựa trên kinh nghiệm và nguồn lực tích lũy sẵn có.
- Cải tiến phương pháp quản lý trong điều hành kinh doanh, ứng dụng công nghệ thông tin, thiết lập mô hình văn phòng sáng tạo, tối thiểu hóa chi phí quản lý, đồng bộ hóa bộ máy quản lý và các bộ phận chức năng.
- Tăng cường quan hệ liên kết – hợp tác hiện hữu với các doanh nghiệp, đồng thời tích cực tìm kiếm các nhà đầu tư và cung cấp mới có uy tín trong và ngoài nước.
- Tập trung phát triển chất lượng nguồn nhân lực, nâng cao năng suất và hiệu quả công việc gắn liền với chế độ lương thưởng, phúc lợi và sự thăng tiến của cán bộ nhân viên.







## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng

Với tinh thần Viễn Đông - Vì cộng đồng, công ty nhận thức và cam kết rằng, tất cả hoạt động của công ty đều liên quan đến trách nhiệm đối với môi trường, xã hội và cộng đồng, là phần không thể tách rời trong hệ thống quản lý và văn hóa công ty.

#### ***Mục tiêu đối với môi trường***

Công ty thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hạn chế sử dụng các sản phẩm nguyên liệu, vật liệu có thành phần độc hại.

Tăng cường sử dụng nguyên liệu xanh, tận dụng các sản phẩm tái chế, tham gia vào hoạt động ủng hộ, tuyên truyền vì môi trường.

#### ***Mục tiêu đối với xã hội và cộng đồng***

Trong suốt hành trình hình thành và phát triển, phù hợp với định hướng chiến lược chia sẻ giá trị với các bên liên quan, Công ty đã và đang triển khai hàng loạt các hoạt động gắn liền với trách nhiệm cộng đồng. Để xây dựng một cộng đồng vững mạnh, Công ty không ngừng hợp tác tích cực với các cơ quan chính quyền địa phương, các đối tác, người dân địa phương nhằm nâng cao nhận thức và phát triển năng lực cộng đồng. Trách nhiệm xã hội của Công ty còn được thể hiện qua việc quan tâm đến môi trường làm việc và chế độ phúc lợi dành cho nhân viên, nhằm tạo việc làm ổn định,

phát triển kinh doanh bền vững, xây dựng cuộc sống hạnh phúc cho đội ngũ nhân viên, bởi đội ngũ nhân sự không chỉ là tài sản đáng quý của Công ty, mà còn là tài sản quan trọng của toàn xã hội.

Chia sẻ trách nhiệm với cộng đồng: Bên cạnh sự phối hợp xuyên suốt với các tổ chức, đối tác uy tín, các hoạt động thiện nguyện của Công ty nhận được sự tham gia đông đảo của Ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ, nhân viên, cùng nhau chung tay xây dựng một cộng đồng phát triển và ổn định.





## CÁC RỦI RO



### Rủi ro kinh tế

Là một doanh nghiệp trong nền kinh tế Việt Nam, Viễn Đông chịu ảnh hưởng ít nhiều của các biến động vĩ mô như tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất... đặc biệt nhu cầu về các sản phẩm về giấy, về giáo dục và các chính sách đổi mới giáo dục của chính phủ trong tương lai ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty. Năm 2021 là một năm đặc biệt khi đại dịch COVID-19 lan rộng trên phạm vi toàn thế giới. Chuỗi cung ứng toàn cầu vì vậy mà cũng gián đoạn, ảnh hưởng ít nhiều đến kinh tế Việt Nam.

Trước sự tác động của đại dịch, hầu hết các cơ sở đào tạo của Công ty đều chuyển đổi qua hình thức học trực tuyến. Tuy có thuận tiện hơn về việc di chuyển đối với các học sinh, học viên nhưng tính kỷ luật, tương tác trong việc học trực tuyến lại không hiệu quả. Điều đó cũng là rủi ro tác động đến hiệu quả hoạt động trong lĩnh vực giáo dục Viễn Đông đang đầu tư.

Hiện tại, việc TP. Hồ Chí Minh mở cửa hoạt động trở lại bình thường mang ý nghĩa là đầu tàu phục hồi kinh tế cho Việt Nam, điều này đã đặt ra thách thức cũng như mở ra cơ hội rất lớn cho Viễn Đông. Chính vì thế, Ban lãnh đạo Công ty thường xuyên cập nhật và xem xét những biến động kinh tế vĩ mô để kịp thời xây dựng những phương án ứng phó với rủi ro.



### Rủi ro pháp luật

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông là một doanh nghiệp hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM nên hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các văn bản pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán. Trong đó, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Chứng khoán mới sửa đổi và có hiệu lực vào ngày 01/01/2021, sẽ có sự tác động đến tình hình hoạt động cũng như kế hoạch phát hành, huy động vốn của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty còn hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nên phải chịu sự quản lý theo Luật Giáo dục.

Để hạn chế rủi ro về mặt pháp lý, Công ty thường xuyên chủ động cập nhật các quy định mới, đồng thời triển khai đồng bộ đến các bộ phận chức năng có liên quan trong Công ty nhằm thực hiện đúng quy định của pháp luật, đảm bảo hiệu quả vận hành hoạt động tốt nhất cũng như tránh những sai sót.



### Rủi ro giá nguyên vật liệu

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Viễn Đông hiện nay là thương mại giấy và đầu tư lĩnh vực giáo dục. Theo đó, đối với lĩnh vực thương mại giấy Công ty bị ảnh hưởng do giá nguyên liệu đầu vào tăng, nhằm chủ động ứng phó trước tình trạng tăng giá đầu vào Công ty đã áp dụng các chính sách tồn kho 1 cách linh hoạt. Ngoài ra, Viễn Đông luôn duy trì mối quan hệ hợp tác bền chặt với các nhà cung cấp nhằm đảm bảo được sự ổn định của nguồn cung phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty.



### Rủi ro sản phẩm thay thế

Tăng trưởng kinh tế nước ta đang trên đà phát triển, sự tiến bộ mạnh mẽ về công nghệ thông tin, điện thoại thông minh ngày càng trở nên phổ biến. Điều đó dẫn đến việc thuận tiện tiếp cận nguồn thông tin cũng như dễ dàng trong việc truy cập các trang sách, báo điện tử và tài liệu số hơn. Rủi ro có thể thay thế các sản phẩm từ giấy in như tạp chí, sách báo giấy, tác động đến sự tăng trưởng của ngành công nghiệp sản xuất giấy cũng như in ấn trong tương lai.

Chính vì vậy, để giảm thiểu những rủi ro sản phẩm thay thế, Công ty đã lên kế hoạch chiến lược đa dạng hóa đầu tư bằng cách đầu tư vào lĩnh vực giáo dục kết hợp với việc duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh giấy.



### Rủi ro bất khả kháng

Hoạt động kinh doanh công ty còn chịu tác động khác như dịch bệnh, thiên tai, những biến đổi khắc nghiệt của khí hậu, vấn đề chính trị... Đây là những rủi ro ít gặp nhưng Công ty cũng sẽ dự phòng trước cho tình hình xấu nhất có thể xảy ra để phòng tránh, giảm thiểu tối đa tác hại của rủi ro lên hoạt động của Công ty.







Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM







## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

### Kết quả hoạt động kinh doanh

ĐVT: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu                           | TH 2020 | KH 2021 | TH 2021 | TH2021/<br>KH2021 | % (+/-)<br>TH 2021/ TH 2020 |
|------------------------------------|---------|---------|---------|-------------------|-----------------------------|
| Tổng doanh thu và thu nhập khác    | 1.113   | 1.110   | 1.096   | 98,71%            | -1,54%                      |
| Lợi nhuận trước thuế               | 49      | 28      | 80      | 286,73%           | 63,42%                      |
| Lợi nhuận sau thuế                 | 40      | 25      | 64      | 256,99%           | 61,32%                      |
| Tỷ suất LNST/doanh thu thuần(%)    | 3,66%   | 2,25%   | 6,04%   | 268,23%           | 65,18%                      |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/CP) | 737     | 736     | 1.058   | 143,75%           | 143,55%                     |

Năm 2021 là một năm khó khăn đối với hoạt động kinh doanh của Viễn Đông nói riêng và các doanh nghiệp ở Việt Nam nói chung khi phải đối mặt với nhiều thách thức từ đợt bùng phát dịch Covid lần thứ 4 khi tất cả các hoạt động kinh doanh sản xuất ngừng trệ.

Đứng trước tình hình đó, Công ty chuyển sang trạng thái thích ứng với dịch Covid-19, đảm bảo hoàn thành mục tiêu kép: sản xuất an toàn, phát triển kinh doanh. Công ty đã kịp thời triển khai các kế hoạch, biện pháp đồng bộ phòng chống dịch hiệu quả, phù hợp diễn biến

dịch bệnh từng giai đoạn theo chỉ đạo chung của Chính phủ, các kế hoạch phòng chống dịch cụ thể phù hợp theo phạm vi quản lý của cơ sở ở từng địa phương nơi có hoạt động của đơn vị. Theo đó, tổng doanh thu và thu nhập khác của Công ty năm 2021 đạt 1.096 tỷ đồng giảm nhẹ so với thực hiện năm 2020 và đạt 98,71% so với kế hoạch đề ra. Lợi nhuận trước thuế ghi nhận 80 tỷ đồng, đạt 286,73% so với kế hoạch đề ra và tăng 63,42% so với năm trước; Lợi nhuận sau thuế đạt 64 tỷ đồng tăng trưởng 61,3% so với năm 2020, vượt kế hoạch đã đề ra.



## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### Danh sách Ban điều hành

| Thành viên              | Chức vụ           | Số lượng CP sở hữu | Tỷ lệ sở hữu |
|-------------------------|-------------------|--------------------|--------------|
| <b>Ban điều hành</b>    |                   |                    |              |
| Ông Bùi Quang Minh      | Tổng Giám đốc     | 436.178            | 1,23%        |
| Bà Nguyễn Thị Thu       | Phó Tổng Giám đốc | 2.534.586          | 7,14%        |
| Ông Bùi Quang Khoa      | Phó Tổng Giám đốc | 278.592            | 0,78%        |
| Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên | Kế toán trưởng    | 1.517.972          | 4,27%        |





# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

**ÔNG BÙI QUANG MINH**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**

| Ngày sinh                                                              | 24/01/1986                                                                |                                             |
|------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|
| Quốc tịch                                                              | Việt Nam                                                                  |                                             |
| Địa chỉ thường trú                                                     | 3 Trần Quý Khoách , P. Tân Định , Q. 1 , TPHCM                            |                                             |
| Trình độ chuyên môn                                                    | Thạc sỹ Quản trị kinh doanh                                               |                                             |
| Quá trình công tác                                                     |                                                                           |                                             |
| Từ 2008 đến 2013                                                       | Trợ lý HĐQT CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông                   |                                             |
| Từ 2013 đến 2015                                                       | Phó Giám đốc Điều hành - Giám đốc kinh doanh Công ty TNHH Bao bì MM Vidon |                                             |
| Từ 08/2016 đến nay                                                     | Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông                 |                                             |
| Từ 10/2015 đến nay                                                     | Chủ tịch HĐQT CTCP Giấy Toàn Lực                                          |                                             |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác                                      | Chủ tịch HĐQT CTCP Giấy Toàn Lực                                          |                                             |
| Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay                              | 436.178 cổ phần, chiếm 1,23% VDL                                          |                                             |
| Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan |                                                                           |                                             |
| Tên                                                                    | Mối Quan hệ                                                               | Số lượng, tỷ lệ sở hữu                      |
| Ông Bùi Quang Mẫn                                                      | Cha                                                                       | 5.858.195 cổ phần, chiếm 16,50% vốn điều lệ |
| Bà Nguyễn Thị Thu                                                      | Mẹ                                                                        | 2.534.586 cổ phần, chiếm 7,14% vốn điều lệ  |

**ÔNG BÙI QUANG KHOA**  
**TV HĐQT KIỂM PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

| Ngày sinh                                                              | 05/12/1977                                                                         |                                        |
|------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|
| Quốc tịch                                                              | Việt Nam                                                                           |                                        |
| Địa chỉ thường trú                                                     | 2.45 Lô D, Chung cư Lạc Long Quân, P5, Q11, TPHCM                                  |                                        |
| Trình độ chuyên môn                                                    | Thạc sỹ Quản trị kinh doanh                                                        |                                        |
| Quá trình công tác                                                     |                                                                                    |                                        |
| Từ 05/2006 đến 02/2007                                                 | Trợ lý HĐQT CTCP Giấy Viễn Đông                                                    |                                        |
| Từ 02/2007 đến 10/2008                                                 | Giám đốc Điều hành CTCP Giấy Viễn Đông                                             |                                        |
| Từ 10/2008 đến 10/2015                                                 | Phó Tổng giám đốc CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông                      |                                        |
| Từ 10/2015 đến nay                                                     | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông |                                        |
| Từ 07/2020 đến nay                                                     | Chủ tịch HĐQT CTCP Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông                                     |                                        |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác                                      | Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông                        |                                        |
| Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay                              | 278.592 cổ phần, chiếm 0,78% VDL                                                   |                                        |
| Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan |                                                                                    |                                        |
| Tên                                                                    | Mối Quan hệ                                                                        | Số lượng, tỷ lệ sở hữu                 |
| Thái Ngọc Trân                                                         | Vợ                                                                                 | 4.555 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ |



# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



**BÀ NGUYỄN THỊ THU**  
**PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT KIÊM**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

|                                                                        |                                                                                      |
|------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
| Ngày sinh                                                              | 12/01/1959                                                                           |
| Quốc tịch                                                              | Việt Nam                                                                             |
| Địa chỉ thường trú                                                     | 3 Trần Quý Khoách , P. Tân Định , Q.1 , TP.HCM                                       |
| Trình độ chuyên môn                                                    | Đại học Kinh tế , Cử nhân quản lý kinh tế                                            |
| Quá trình công tác                                                     |                                                                                      |
| Từ 2004 đến 2006                                                       | Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Giấy Viền Đông                         |
| Từ 2006 đến nay                                                        | Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viền Đông |
| Từ 2008 đến nay                                                        | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc CTCP Thương mại Toàn Lực                            |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác                                      | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc CTCP Thương mại Toàn Lực                            |
| Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay                              | 2.534.586 cổ phần, chiếm 7,14% VDL                                                   |
| Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan |                                                                                      |

| Tên                      | Mối Quan hệ          | Số lượng, tỷ lệ sở hữu                      |
|--------------------------|----------------------|---------------------------------------------|
| Bùi Quang Mẫn            | Chồng                | 5.858.195 cổ phần, chiếm 16,50% vốn điều lệ |
| Bùi Quang Minh           | Con                  | 436.178 cổ phần, chiếm 1,23% vốn điều lệ    |
| CTCP Thương mại Toàn Lực | Tổ chức có liên quan | 2.808.742 cổ phần, chiếm 7,91% vốn điều lệ  |



**BÀ NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN**  
**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

|                                                                        |                                                            |
|------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| Ngày sinh                                                              | 02/07/1977                                                 |
| Quốc tịch                                                              | Việt Nam                                                   |
| Địa chỉ thường trú                                                     | 81/1/2 Huỳnh Mẫn Đạt , P 19 , Q Bình Thạnh , TPHCM         |
| Trình độ chuyên môn                                                    | Cử nhân kinh tế                                            |
| Quá trình công tác                                                     |                                                            |
| Từ 2001 đến 2009                                                       | Nhân viên phòng Tài chính kế toán CTCP Thương mại Toàn Lực |
| Từ 2010 đến 2016                                                       | Kế toán trưởng CTCP Thương mại Toàn Lực                    |
| Từ 2017 đến 09/2019                                                    | Kế toán trưởng CTCP Giấy Toàn Lực                          |
| Từ 10/2019 đến nay                                                     | Kế toán trưởng CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viền Đông |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác                                      | Phó giám đốc tài chính CTCP Giấy Toàn Lực                  |
| Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay                              | 1.517.972 cổ phần, chiếm 4,27% VDL                         |
| Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan |                                                            |

| Tên              | Mối Quan hệ | Số lượng, tỷ lệ sở hữu                  |
|------------------|-------------|-----------------------------------------|
| Nguyễn Minh Hùng | Chồng       | 14.783 cổ phần, chiếm 0,04% vốn điều lệ |

## Những thay đổi trong ban điều hành trong năm 2021

Trong năm Công ty không có sự thay đổi trong ban điều hành.



# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## Số lượng cán bộ công nhân viên

| STT       | Tiêu chí                                   | Năm 2020         |              | Năm 2021         |              |
|-----------|--------------------------------------------|------------------|--------------|------------------|--------------|
|           |                                            | Số lượng (người) | Tỷ trọng (%) | Số lượng (người) | Tỷ trọng (%) |
| I         | Theo trình độ lao động                     |                  |              |                  |              |
| 1         | Trình độ Đại học và trên Đại học           | 19               | 59%          | 20               | 71%          |
| 2         | Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp | 4                | 13%          | 4                | 14%          |
| 3         | Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật               | 0                | 0%           | 0                | 0%           |
| 4         | Lao động phổ thông                         | 9                | 28%          | 4                | 14%          |
| III       | Theo giới tính                             |                  |              |                  |              |
| 1         | Nam                                        | 20               | 63%          | 15               | 54%          |
| 2         | Nữ                                         | 12               | 38%          | 13               | 46%          |
| IV        | Theo thời hạn HĐLĐ                         |                  |              |                  |              |
| 1         | Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm               | 0                | 0            | 0                | 0            |
| 2         | Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm           | 10               | 31%          | 3                | 11%          |
| 3         | Hợp đồng không xác định thời hạn           | 22               | 69%          | 25               | 89%          |
| Tổng cộng |                                            | 32               | 100%         | 28               | 100%         |

## Lương bình quân

| Chỉ tiêu                                 | Năm 2018 | Năm 2019 | Năm 2020 | Năm 2021 |
|------------------------------------------|----------|----------|----------|----------|
| Tổng số lượng người lao động (người)     | 72       | 32       | 32       | 28       |
| Lương bình quân (triệu đồng/người/tháng) | 10,23    | 14,10    | 11,67    | 9,07     |

## Chính sách nhân sự

### Chính sách đào tạo



Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn cơ bản, có ý thức phát triển nghề nghiệp và có tính kỷ luật cao. Hàng năm, Công ty đều có chương trình đào tạo huấn luyện để củng cố và nâng cao kỹ năng cho đội ngũ lao động, bao gồm đào tạo nội bộ và đào tạo bên ngoài.

- Đào tạo nội bộ: Công ty thường xuyên tổ chức những khoá đào tạo tại chỗ cho cán bộ nhân viên của Công ty với khả năng và phương tiện sẵn có.
- Đào tạo bên ngoài: Gửi người tham dự các giáo trình do các cơ quan, tổ chức bên ngoài tổ chức thực hiện. Đặc biệt, trong khuôn khổ các Hợp đồng chuyển giao công nghệ, các cán bộ, nhân viên phù hợp với yêu cầu đều được Công ty gửi đi đào tạo huấn luyện tại các cơ sở đào tạo phù hợp.

## Chính sách tuyển dụng



Để đảm bảo đáp ứng nhân lực một cách kịp thời và đầy đủ, Công ty có chính sách tuyển dụng thỏa đáng, phù hợp với mặt bằng kinh tế - xã hội, đặc điểm ngành nghề và nhu cầu nhân lực. Việc tuyển dụng lao động được thực hiện theo kế hoạch thường niên và đột xuất, dựa trên:

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Tình hình thực tế về nhân lực tại các bộ phận;
- Nhu cầu thay thế lao động thôi việc hoặc hưu trí;





## Môi trường công việc



Môi trường làm việc tốt sẽ phát huy tối đa năng lực chuyên môn và khả năng sáng tạo của nhân viên, góp phần nâng cao năng suất lao động. Hiểu được điều đó, Công ty luôn cố gắng tạo điều kiện tốt nhất để xây dựng một môi trường làm việc năng động, an toàn, công bằng, thân thiện, nơi mà mỗi người lao động đều cảm thấy là một phần của Công ty.

Công ty bố trí văn phòng làm việc cho CBCNV khang trang, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động. Các nguyên tắc an toàn lao động luôn được tuân thủ nghiêm ngặt trong toàn Công ty.

## Chính sách lương thưởng



Quan tâm đặc biệt đến đời sống CBCNV, Ban lãnh đạo đã thực hiện các chính sách phúc lợi, lương thưởng đã cam kết với người lao động. Đây cũng là một trung những thành công trong việc giữ chân nhân sự. Công ty xây dựng chính sách lương, thưởng phù hợp với từng vị trí công việc, kỹ năng và trình độ chuyên môn của CBCNV nhằm ghi nhận đúng mức năng lực và kết quả công việc của từng cá nhân, đồng thời tạo động lực khuyến khích CBCNV phát huy năng lực, trách nhiệm để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc.

Hàng năm Công ty đều tổ chức cho người lao động trong Công ty đi nghỉ dưỡng tập thể với chi phí do Công ty đài thọ. Người lao động trong Công ty được đảm bảo đầy đủ và thỏa đáng các chế độ phụ cấp chức vụ, trách nhiệm, độc hại...tùy theo vị trí và đặc điểm công việc. Ngoài ra, Công ty còn áp dụng chế độ phụ cấp trình độ học vấn nhằm khuyến khích người lao động quan tâm học tập để trau dồi nâng cao kiến thức.

## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

### Các khoản đầu tư lớn

Trong năm 2021 do tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp nên công ty không phát triển khoản đầu tư lớn. Theo đó, Công ty tiếp tục thực hiện đầu tư thêm vào các công ty liên kết cụ thể đầu tư thêm vào CTCP Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt với số tiền đầu tư thêm là 7.458.750.000 đồng.





Tình hình hoạt động tại Công ty con

Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực

ĐVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu                                          | TH 2020   | TH 2021   | %2021/2020 |
|---------------------------------------------------|-----------|-----------|------------|
| Tổng tài sản                                      | 656.036   | 876.420   | 33,59%     |
| Doanh thu thuần                                   | 1.046.850 | 1.022.408 | -2,33%     |
| Giá vốn hàng bán                                  | 968.857   | 907.080   | -6,38%     |
| Doanh thu hoạt động tài chính                     | 8.874     | 11.803    | 33,01%     |
| Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính | 41.297    | 52.866    | 28,01%     |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh                 | 45.570    | 74.265    | 62,97%     |
| Lợi nhuận khác                                    | 1.692     | 2.057     | 21,57%     |
| Lợi nhuận trước thuế                              | 47.262    | 76.322    | 61,49%     |
| Lợi nhuận sau thuế                                | 38.098    | 61.036    | 60,21%     |

Kết quả kinh doanh năm 2021 của Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực năm 2021 tăng trưởng cụ thể Tổng tài sản đến 31/12/2021 đạt 876,42 tỷ đồng tăng 33,59% so với cùng kỳ năm 2020. Trong năm, nhờ việc cân đối hoạt động xuất nhập khẩu, tối ưu hóa lợi nhuận khi giá giấy thị trường tăng cao dẫn đến lợi nhuận sau thuế trong năm 2021 đạt 61.036 tỷ đồng tăng 60,21% so với năm 2020.

Tình hình hoạt động tại Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng

ĐVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu                                          | TH 2020 | TH 2021 | %2021/2020 |
|---------------------------------------------------|---------|---------|------------|
| Tổng tài sản                                      | 59.361  | 59.668  | 0,52%      |
| Doanh thu thuần                                   | 2.002   | 1.502   | -24,98%    |
| Giá vốn hàng bán                                  | 1.796   | 1.204   | -32,96%    |
| Doanh thu hoạt động tài chính                     | 3.211   | 2.961   | -7,79%     |
| Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính | 1.255   | 1.417   | 12,91%     |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh                 | 2.162   | 1.842   | -14,80%    |
| Lợi nhuận khác                                    | 16.859  | -1.173  | -106,96%   |
| Lợi nhuận trước thuế                              | 19.021  | 669     | -96,48%    |
| Lợi nhuận sau thuế                                | 16.342  | 384     | -97,65%    |

Tình hình hoạt động tại Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô

ĐVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu                                          | TH 2020 | TH 2021 | %2021/2020 |
|---------------------------------------------------|---------|---------|------------|
| Tổng tài sản                                      | 53.248  | 58.234  | 9,36%      |
| Doanh thu thuần                                   | 161.244 | 168.687 | 4,62%      |
| Giá vốn hàng bán                                  | 156.704 | 163.526 | 4,35%      |
| Doanh thu hoạt động tài chính                     | 553     | 15      | -97,29%    |
| Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính | 2.702   | 2.756   | 2,00%      |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh                 | 2.391   | 2.420   | 1,21%      |
| Lợi nhuận khác                                    | 350     | 453     | 29,43%     |
| Lợi nhuận trước thuế                              | 2.741   | 2.873   | 4,82%      |
| Lợi nhuận sau thuế                                | 2.241   | 2.328   | 3,88%      |

Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông

ĐVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu                                          | TH 2020 | TH 2021 | %2021/2020 |
|---------------------------------------------------|---------|---------|------------|
| Tổng tài sản                                      | 175.102 | 185.441 | 5,90%      |
| Doanh thu thuần                                   | 88.115  | 108.994 | 23,70%     |
| Giá vốn hàng bán                                  | 85.712  | 106.573 | 24,34%     |
| Doanh thu hoạt động tài chính                     | 27.403  | 31.073  | 13,39%     |
| Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính | - 2.759 | 1.618   | -158,64%   |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh                 | 32.565  | 31.876  | -2,12%     |
| Lợi nhuận khác                                    | 9       | 3.615   | 40166,67%  |
| Lợi nhuận trước thuế                              | 32.574  | 35.491  | 8,95%      |
| Lợi nhuận sau thuế                                | 31.697  | 34.089  | 7,55%      |



Tình hình hoạt động tại Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển GD Hoàng Việt

ĐVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu                                          | TH 2020 | TH 2021 | %2021/2020 |
|---------------------------------------------------|---------|---------|------------|
| Tổng tài sản                                      | 110.466 | 137.528 | 24,50%     |
| Doanh thu thuần                                   | 115.754 | 90.357  | -21,94%    |
| Giá vốn hàng bán                                  | 95.876  | 79.144  | -17,45%    |
| Doanh thu hoạt động tài chính                     | 3.761   | 1.342   | -64,32%    |
| Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính | 14.793  | 16.836  | 13,81%     |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh                 | 8.846   | - 4.281 | -148,39%   |
| Lợi nhuận khác                                    | 74      | 156     | 110,81%    |
| Lợi nhuận trước thuế                              | 8.920   | - 4.125 | -146,24%   |
| Lợi nhuận sau thuế                                | 8.332   | - 4.579 | -154,96%   |

Công ty Cổ phần Ấn tượng Việt

ĐVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu     | TH 2020 | TH 2021 | %2021/2020 |
|--------------|---------|---------|------------|
| Tổng tài sản | 100.012 | 100.012 | -          |



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY







## BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

### Tác động lên môi trường:



- **Phát thải khí nhà kính trực tiếp**

Đối với lĩnh vực kinh doanh giấy thì lượng phát thải không đáng kể. Để giảm thiểu phát thải khí nhà kính trực tiếp công ty đã lên kế hoạch đầu tư vào các thiết bị, máy móc hiện đại giúp tiết kiệm nguồn nguyên vật liệu đầu vào.

- **Phát thải khí nhà kính gián tiếp**

Đối với lĩnh vực giáo dục thì lượng phát thải nhà kính không nhiều. Tuy nhiên, lượng phát thải chủ yếu là từ chất thải rắn sinh hoạt tại căn tin, phòng học, sân trường,... Bên cạnh đó, lượng phát thải còn đến từ việc sử dụng các thiết bị làm mát như máy điều hòa nhiệt độ mà tiêu thụ nhiều năng lượng.

Do đó, Ban lãnh đạo công ty đã đề ra các giải pháp nhằm giảm thiểu lượng phát thải bằng cách bố trí số lượng thùng rác đầy đủ ở khắp khuôn viên các cơ sở giáo dục đồng thời thực hiện các chiến dịch tuyên truyền, giáo dục ý thức về việc phân loại rác. Bên cạnh đó, Viễn Đông còn thực thi các chính sách tiết kiệm năng lượng như tắt các thiết bị điện như máy lạnh, máy chiếu,... khi không sử dụng cũng như khi ra về, kiểm tra đồng hồ điện, hóa đơn điện xem có biến động bất thường,...

### Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:



Trong suốt quá trình hoạt động, Công ty cam kết tuân thủ tất cả các quy chế, quy định của các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ và phát triển môi trường bền vững. Năm 2021, tại Viễn Đông đã không xảy ra trường hợp vi phạm pháp luật nào về môi trường, tổng số tiền bị phạt do vi phạm các vấn đề về môi trường là 0 đồng.

### Chính sách liên quan đến người lao động:



Định kỳ hàng năm, Công ty mua đầy đủ bảo hiểm y tế, khám sức khỏe, cung cấp đồng phục và đồ dùng bảo hộ lao động cho cán bộ công nhân viên. Bên cạnh đó, công ty tổ chức du lịch, nghỉ dưỡng, thưởng lễ tết, thưởng tháng lương 13 cho người lao động dựa vào kết quả kinh doanh trong năm.

Công ty còn xây dựng các chính sách đào tạo người lao động. Cụ thể, số giờ đào tạo trung bình trong năm theo tổng số nhân viên và phân loại nhân viên. Cập nhật các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động làm việc đạt hiệu quả tối ưu cũng như phát triển sự nghiệp lâu dài.

### Tiêu thụ năng lượng:



Công ty luôn chú trọng trong việc xây dựng định mức sử dụng các nguồn năng lượng. Tất cả các văn phòng, nhà máy của Công ty đều áp dụng và báo cáo tình hình sử dụng năng lượng định kỳ. Bên cạnh đó, việc truyền thông nội bộ cũng được thực hiện thường xuyên nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của cán bộ công nhân viên.

Năm 2021, các con số về năng lượng được tiêu thụ để phục vụ cho quá trình kinh doanh ở Viễn Đông như sau:

- **Tổng lượng điện tiêu thụ (kwh): 2.750.834**
- **Tổng khối lượng nước tiêu thụ toàn khu năm 2021 (m³): 9.764**







## BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

### Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

5

Bên cạnh hoạt động kinh doanh hiệu quả, Viễn Đông luôn dành nguồn lực và sự ưu tiên cho các hoạt động cộng đồng.

Hàng năm, Công ty tích cực vận động cán bộ công nhân viên tham gia chương trình từ thiện để ủng hộ cho đồng bào mà có hoàn cảnh khó khăn, các em nhỏ hạn chế về điều kiện học tập. Đặc biệt là trong 2 năm trở lại đây, những hoàn cảnh gặp khó khăn bởi đại dịch COVID-19 trên địa bàn quận và thành phố.



## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### Tình hình tài chính

| Chỉ tiêu                          | Năm 2020 | Năm 2021 | % +/- 2021/2020 |
|-----------------------------------|----------|----------|-----------------|
| Tổng giá trị tài sản              | 948      | 1.169    | 23,26%          |
| Doanh thu thuần                   | 1.089    | 1.064    | -2,34%          |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 47       | 79       | 66,88%          |
| Lợi nhuận khác                    | 2        | 1        | -22,36%         |
| Lợi nhuận trước thuế              | 49       | 80       | 63,42%          |
| Lợi nhuận sau thuế                | 40       | 65       | 63,20%          |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức        | 15%      | (*) 12%  | -20,00%         |

(\*) Tỷ lệ dự kiến trình ĐHCĐ thông qua

### Cổ phần: Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông

TỔNG SỐ CỔ PHIẾU ĐÃ PHÁT HÀNH  
35.510.789 cổ phiếu

|                                                        |                                         |
|--------------------------------------------------------|-----------------------------------------|
| SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐANG LƯU HÀNH<br>35.510.789 cổ phiếu | SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU QUỸ<br>0 cổ phiếu     |
| LOẠI CỔ PHẦN<br>Cổ phần phổ thông                      | MỆNH GIÁ CỔ PHẦN<br>10.000 đồng/cổ phần |





# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

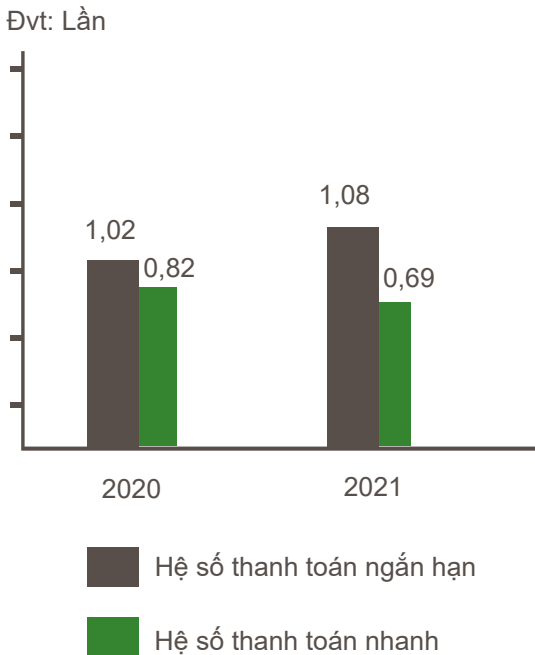
| Chỉ tiêu                                                                 | ĐVT  | Năm 2020 | Năm 2021 |
|--------------------------------------------------------------------------|------|----------|----------|
| <b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>                                   |      |          |          |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn:<br>(Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)             | Lần  | 1,02     | 1,08     |
| Hệ số thanh toán nhanh:<br>(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn | Lần  | 0,82     | 0,69     |
| <b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>                                            |      |          |          |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản                                                    | %    | 45,38%   | 53,45%   |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu                                                  | %    | 83,09%   | 114,82%  |
| <b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>                                    |      |          |          |
| Vòng quay hàng tồn kho<br>(Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)      | Vòng | 10,28    | 5,75     |
| Vòng quay tổng tài sản<br>(Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)       | Vòng | 1,17     | 1,00     |
| <b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>                                     |      |          |          |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần                                 | %    | 3,66%    | 6,11%    |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân                        | %    | 7,98%    | 12,24%   |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân                          | %    | 4,29%    | 6,14%    |
| Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động SXKD/ Doanh thu thuần                       | %    | 4,34%    | 7,41%    |

01

### Khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn, hệ số thanh toán nhanh, của Công ty vào cuối năm 2021 lần lượt đạt mức 1,08 và 0,69 lần, sụt giảm nhẹ so với năm trước. Lý do chủ yếu là vì khoản phải trả người bán gia tăng khi Công ty đẩy mạnh doanh thu, đồng thời Công ty phải đầu tư đáng kể cho trang thiết bị, máy móc chuyên ngành phục vụ cho chiến lược phát triển sắp tới. Tuy vậy, có thể thấy phần lớn các hệ số thanh toán này vẫn đang ở mức an toàn, công ty hoàn toàn có khả năng thanh toán các khoản nợ khi đến hạn. Đến nay Công ty không có khoản thanh toán nào quá hạn.

Biểu đồ chỉ tiêu về khả năng thanh toán

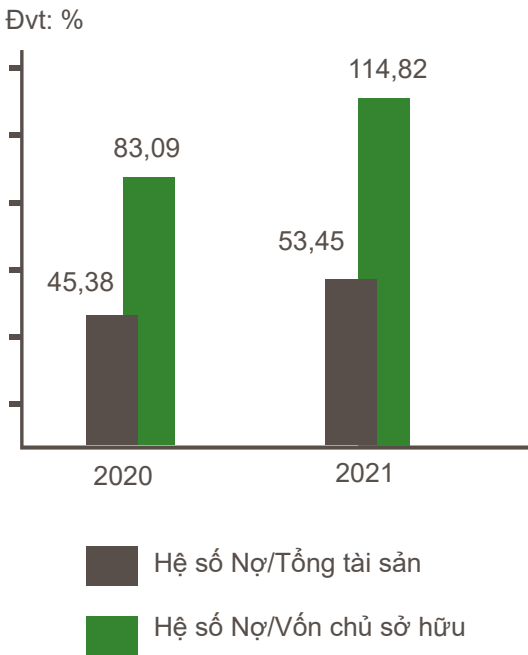


02

### Cơ cấu vốn

Nợ phải trả trong năm 2021 tăng chủ yếu do Công ty tăng vay nợ ngắn hạn nhằm duy trì kinh doanh trong thời gian giãn cách xã hội và nợ phải trả nhà cung cấp nguyên liệu đầu vào. Đối với các khoản phải trả nhà cung cấp Công ty không chịu lãi do đó Công ty không bị áp lực về tài chính. Đối với khoản vay ngắn hạn Công ty hoàn toàn có khả năng thanh toán khi đến hạn phải trả.

Biểu đồ chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn





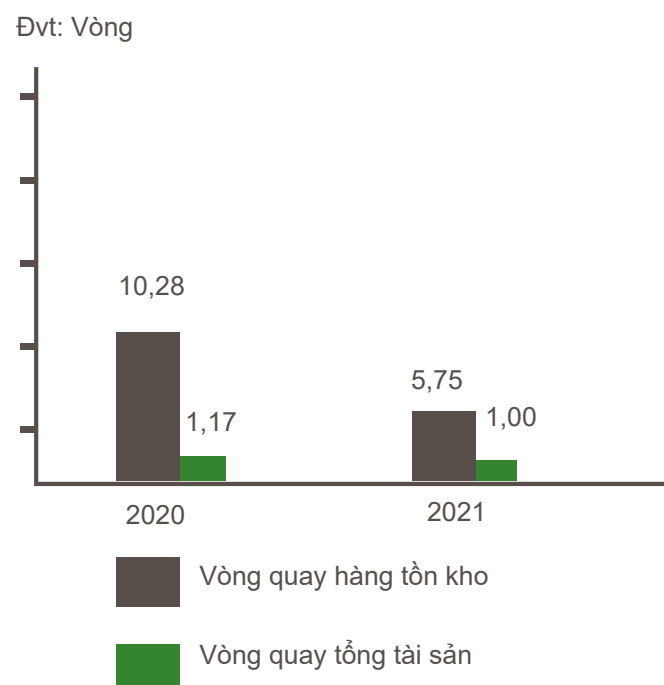


## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

03

### Năng lực hoạt động

Biểu đồ chỉ tiêu về năng lực hoạt động

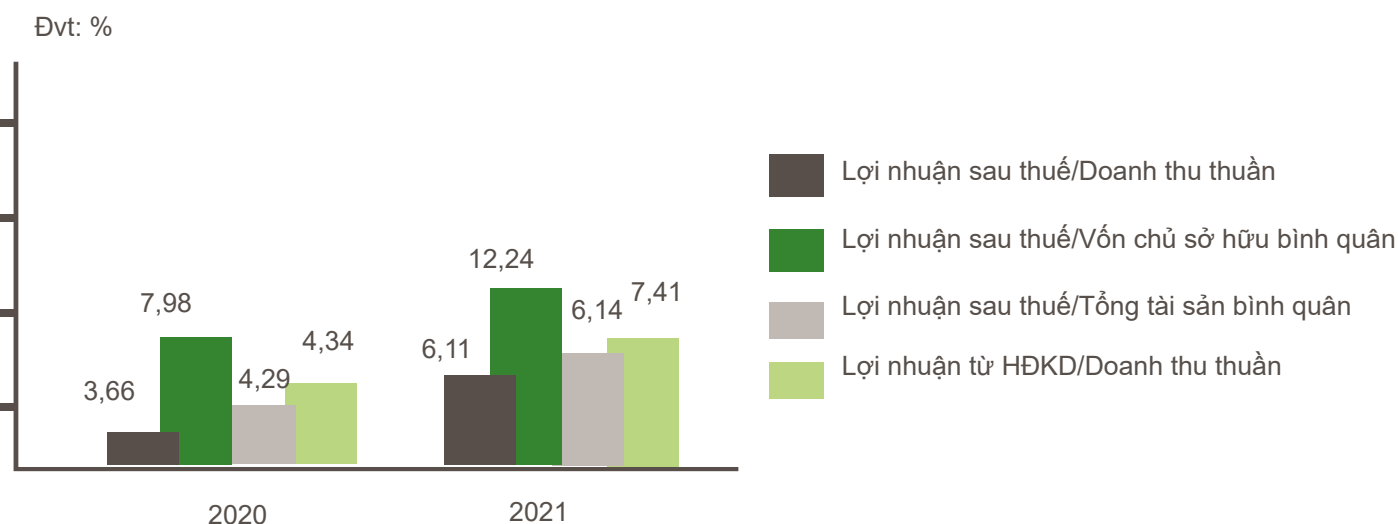


Vòng quay hàng tồn kho bình quân của Công ty năm 2021 đạt 5,75 vòng, giảm so với mức 10,28 của cùng kỳ do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid – 19, làm cho tiêu thụ sản phẩm của Công ty giảm sút dẫn đến hàng tồn kho của Công ty tăng cao trong năm 2021. Công ty luôn nỗ lực tìm kiếm các đối tác, khách hàng và lên kế hoạch cụ thể nhằm ổn định đầu vào và đầu ra của Công ty. Vòng quay tổng tài sản của Công ty duy trì ở mức 1,00 lần, thể hiện được tính ổn định trong việc sử dụng tài sản hiệu quả.

04

### Khả năng sinh lời

Biểu đồ chỉ tiêu về khả năng sinh lời



Là một năm kết quả kinh doanh khả quan đối với Viễn Đông, các tỷ số sinh lời đều cải thiện khá so với năm trước. Cụ thể, Hệ số lợi nhuận gộp tăng từ 3,66% lên 6,11%; Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần tăng lên 7,41% so với mức 4,43% của năm trước; ROE và ROA tăng mạnh tương ứng 12,24% và 6,41%.



## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

### Cơ cấu cổ đông

Tính tại ngày 28/03/2022

| STT       | Đối tượng        | Số lượng cổ phiếu | Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%) | Số lượng cổ đông | Cơ cấu cổ đông |         |
|-----------|------------------|-------------------|----------------------|------------------|----------------|---------|
|           |                  |                   |                      |                  | Tổ chức        | Cá nhân |
| I         | Cổ đông Nhà nước | 0                 | 0                    | 0                | 0              | 0       |
| II        | Cổ đông lớn      | 11.201.523        | 31,54%               | 3                | 2              | 1       |
| 1         | Trong nước       | 11.201.523        | 31,54%               | 3                | 2              | 1       |
| 2         | Nước ngoài       | 0                 | 0                    | 0                | 0              | 0       |
| III       | Cổ đông khác     | 24.309.266        | 68,46%               | 3498             | 56             | 3.442   |
| 1         | Trong nước       | 24.147.803        | 68,01%               | 3447             | 50             | 3.397   |
| 2         | Nước ngoài       | 161.463           | 0,45%                | 51               | 6              | 45      |
| Tổng cộng |                  | 35.510.789        | 100%                 | 3.501            | 57             | 3.444   |
| 1         | Trong nước       | 35.349.326        | 99,55%               | 3.450            | 51             | 3.399   |
| 2         | Nước ngoài       | 161.463           | 0,45%                | 51               | 6              | 45      |

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 50%

### Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

| STT | Nội dung                                            | Trước khi thay đổi | Thay đổi       | Sau khi thay đổi |
|-----|-----------------------------------------------------|--------------------|----------------|------------------|
| 1   | Vốn điều lệ (đồng)                                  | 308.800.700.000    | 46.307.190.000 | 355.107.890.000  |
| 2   | Tổng số cổ phiếu                                    | 30.880.070         | 4.630.719      | 35.510.789       |
| 3   | Số lượng cổ phiếu quỹ                               | 0                  | 0              | 0                |
| 4   | Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành | 30.880.070         | 4.630.719      | 35.510.789       |

### Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có

### Các chứng khoán khác

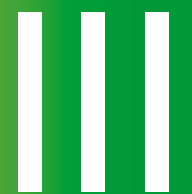
Không có





- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

## BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC







## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

### Kết quả sản xuất kinh doanh 2021



Năm 2021 là một năm khó khăn khi Công ty triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh trong điều kiện dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, kéo dài, lan rộng hầu khắp các tỉnh thành trên toàn quốc và đặc biệt nghiêm trọng ở các tỉnh phía Nam.

Trước tình hình đó, Ban Lãnh đạo Công ty đã nỗ lực triển khai thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ về công tác an toàn – phòng chống dịch, quản trị và thị trường. Cùng với sự chỉ đạo sát sao và hỗ trợ kịp thời từ các cấp chính quyền đã giúp Công ty đạt được kết quả hết sức khả quan, Hoàn thành các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận, tiếp tục mở rộng thị phần, phát triển thị trường song song với sản xuất kinh doanh an toàn, phòng chống dịch hiệu quả.



VIỄN ĐÔNG

- VÌ CỘNG ĐỒNG





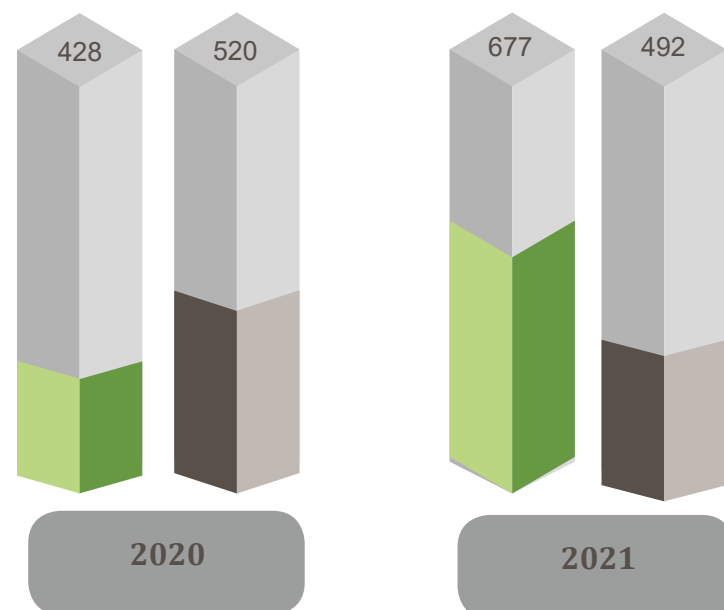
## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### Tình hình tài sản

ĐVT: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu            | Năm 2020   | Năm 2021     | Thay đổi      | Tỷ trọng 2021  |
|---------------------|------------|--------------|---------------|----------------|
| Tài sản ngắn hạn    | 428        | 677          | 58,18%        | 57,92%         |
| Tài sản dài hạn     | 520        | 492          | -5,36%        | 42,08%         |
| <b>Tổng tài sản</b> | <b>948</b> | <b>1.169</b> | <b>23,26%</b> | <b>100,00%</b> |

Tình hình tài sản



ĐVT: Tỷ đồng

- Tài sản ngắn hạn
- Tài sản dài hạn

Trong năm qua, Tổng tài sản của Công ty tăng từ 948 tỷ đồng lên 1.169 tỷ đồng tính đến 31/12/2021, tương ứng mức tăng 23,26%. Tài sản ngắn hạn vẫn được duy trì tỷ trọng lớn với 57,92% trong cơ cấu tổng tài sản, và tăng 58,18% so với năm trước; trong khi đó tài sản dài hạn chênh lệch không nhiều với năm 2020.

Tiền/Đầu tư tài chính ngắn hạn và Các khoản phải thu ngắn hạn và hàng tồn kho là các khoản mục chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, và lần lượt đạt 106 tỷ đồng, 246 tỷ đồng và 244 tỷ đồng. Viễn Đông luôn chú ý duy trì tỷ trọng khoản mục tài sản ngắn hạn nhằm đảm bảo khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn cũng như đáp ứng kịp thời dòng tiền cho các hoạt động đầu tư trong tương lai gần.

Các khoản phải thu và Hàng tồn kho gia tăng khi quy mô doanh số và hoạt động của Công ty được mở rộng. Tuy nhiên, các khoản phải thu của Công ty không xảy ra tình trạng nợ quá hạn, đảm bảo khả năng thu hồi cao; Hàng tồn kho của Công ty duy trì ổn định đáp ứng kịp thời nhu cầu tiêu thụ của khách hàng.

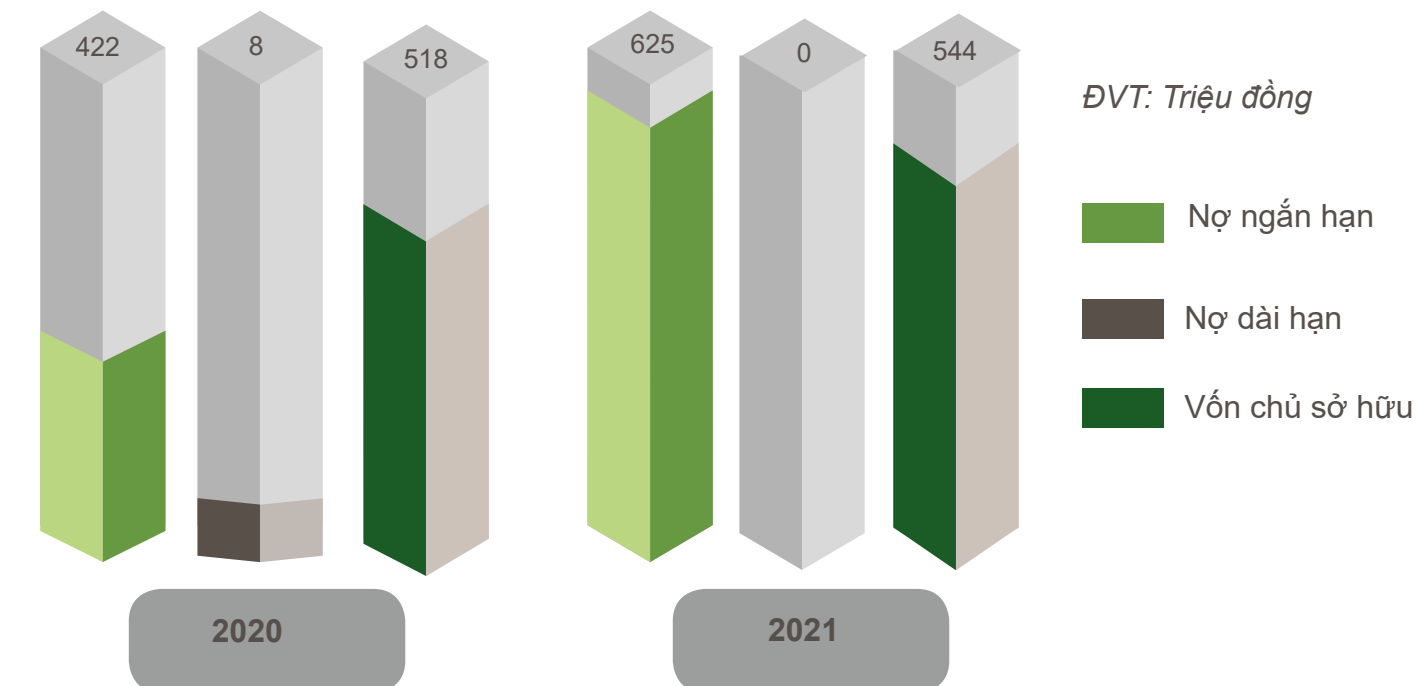
Do đặc trưng của ngành, tài sản cố định và các khoản đầu tư tài chính dài hạn chiếm tỷ trọng chủ yếu trong tài sản dài hạn của Công ty.

### Tình hình nguồn vốn

ĐVT: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu              | Năm 2020   | Năm 2021     | Thay đổi      | Tỷ trọng 2021 |
|-----------------------|------------|--------------|---------------|---------------|
| <b>Tổng nợ phải</b>   | <b>430</b> | <b>625</b>   | <b>45,17%</b> | <b>53,45%</b> |
| Nợ ngắn hạn           | 422        | 625          | 48,07%        | 100%          |
| Nợ dài hạn            | 8          | -            | -             | -             |
| <b>Vốn chủ sở hữu</b> | <b>518</b> | <b>544</b>   | <b>5,05%</b>  | <b>46,55%</b> |
| <b>Tổng nguồn vốn</b> | <b>948</b> | <b>1.169</b> | <b>23,26%</b> | <b>100%</b>   |

Tình hình nguồn vốn



ĐVT: Triệu đồng

- Nợ ngắn hạn
- Nợ dài hạn
- Vốn chủ sở hữu

Đến cuối năm 2021, nguồn vốn chủ sở hữu chiếm 46,55% tổng nguồn vốn. Trong khi đó, nợ phải trả tăng tăng 45,17%, tương ứng với 625 tỷ đồng, tuy nhiên đây chủ yếu là các khoản phải trả cho nhà cung cấp và các khoản nợ vay ngắn hạn. Định hướng trong tương lai Công ty ưu tiên sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn vốn không sinh lãi tài trợ cho hoạt động kinh doanh để giảm thiểu áp lực lãi vay.



# NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH VÀ QUẢN LÝ

Công ty tiếp tục thực hiện những cải tiến cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý với mô hình phân cấp. Các đơn vị, phòng ban được quyền ra quyết định trong phạm vi quyền hạn quy định. Mô hình này giúp Ban lãnh đạo quản lý tốt hơn về mặt nhân sự, tạo động lực cho cấp dưới và khuyến khích các cấp quản lý phát huy sáng tạo. Trong năm 2021, Ban điều hành Công ty chú trọng thực hiện các hoạt động cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý như sau:



Thực hiện nhất quán chính sách nhân sự, tăng cường công tác đào tạo, huấn luyện nhằm không ngừng nâng cao trình độ cho CBCNV trong bối cảnh mới.



Việc áp dụng các giải pháp công nghệ thông tin trong công tác quản trị nhân sự vẫn được chú trọng phát triển, các giải pháp công nghệ thông tin đã giúp giảm thiểu đáng kể thời gian thực hiện các công việc bằng giấy tờ, số hóa nhiều công việc, kiểm soát việc tuân thủ các quy định của Công ty và Nhà nước, nâng cao tính chuyên nghiệp trong công tác quản trị nhân sự, hành chính.



Tổ chức nhân sự ngày càng tinh gọn, hiệu quả. Tăng cường công tác tuyển dụng nhằm đáp ứng nhu cầu nhân sự phù hợp cho các phòng ban để phục vụ tốt nhất cho các hoạt động kinh doanh trong điều kiện mới



# KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

## Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

| STT | Chỉ tiêu                  | Đơn vị tính | 2022  |
|-----|---------------------------|-------------|-------|
| 1   | Tổng doanh thu & thu nhập | Tỉ đồng     | 1.150 |
| 2   | Lợi nhuận trước thuế TNDN | Tỉ đồng     | 40    |
| 3   | Lợi nhuận sau thuế TNDN   | Tỉ đồng     | 32    |
| 4   | Lãi cơ bản trên cổ phiếu  | Đồng        | 901   |
| 5   | Cổ tức                    | %           | 10%   |

## Các giải pháp để thực hiện kế hoạch đã đề ra

- Tiếp tục phối hợp với CTCP Giấy Toàn Lực để có giải pháp hỗ trợ kịp thời cho hoạt động kinh doanh Xuất nhập khẩu
- Tiếp tục hỗ trợ các công ty liên kết trong lĩnh vực kinh doanh của từng công ty, qua đó sẽ làm gia tăng hiệu quả hoạt động của hệ thống.
- Bảo đảm được việc làm ổn định và thu nhập cho người lao động. Áp dụng chế độ lương thưởng hợp lý kèm các khoản phúc lợi gia tăng để thúc đẩy, phát huy năng lực và động lực của cá nhân, tập thể, nhằm tăng năng suất lao động.
- Tiếp tục rà soát, đánh giá hiệu quả về đầu tư tài chính dài hạn, đầu tư thêm vốn đối với lĩnh vực đang và sẽ phát huy hiệu quả cao cho công ty.
- Tiếp tục rà soát, đánh giá hiệu quả về đầu tư tài chính dài hạn, đầu tư thêm vốn đối với lĩnh vực đang và sẽ phát huy hiệu quả cao cho công ty.
- Phối hợp với Ban kiểm soát để hỗ trợ, giám sát việc bảo toàn và gia tăng giá trị vốn đầu tư tại các công ty con, công ty liên doanh liên kết, từ đó bảo đảm tăng thu nhập cho công ty và đảm bảo có lợi nhuận để chia cổ tức cho cổ đông trong năm tài chính 2022.
- Thực thi “Viễn Đông vì cộng đồng”, có trách nhiệm với môi trường, xã hội, phát triển văn hóa doanh nghiệp góp phần phát triển công ty bền vững.





## BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

### >> Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

Công ty luôn ý thức về việc tác động đến môi trường xung quanh. Công ty luôn cam kết thực hiện:

- Xây dựng kế hoạch cung ứng và quản lý vật tư một cách chặt chẽ, tránh để xảy ra tình trạng lãng phí, dư thừa giấy và mực in trong quá trình in ấn.
- Tuân thủ pháp luật và đảm bảo các tiêu chí vệ sinh tác động đến môi trường của Công ty.
- Tăng cường kiểm soát, giám sát, xây dựng biện pháp phòng ngừa ô nhiễm đến môi trường.
- Khuyến khích lao động, nhân viên của Công ty sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường, tái sử dụng trong quá trình kinh doanh.

### >> Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

- Trong năm 2021, Công ty tham gia đóng góp cho quỹ Vaccine phòng chống Covid-19, đóng góp mua khẩu trang cho các bệnh viên, tặng quà như gạo, bánh mì và nhu yếu phẩm giúp đỡ những người khó khăn đang gặp phải dịch bệnh Covid-19.





- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty.
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

## ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

IV





## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty trong năm 2021

Trong bối cảnh chung của nền kinh tế bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh kéo dài, HĐQT đã rất tập trung, thường xuyên có những chỉ đạo linh hoạt, kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản trị công ty, bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, điều lệ công ty, đặt nền móng cho chiến lược đầu tư phát triển giai đoạn (2021 - 2025).

#### Hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong bối cảnh nền kinh tế tiếp tục gặp nhiều khó khăn và tình hình cạnh tranh gay gắt, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã bị ảnh hưởng khá lớn. Tuy nhiên, nhờ vào việc thường xuyên xem xét, tính toán thời điểm thích hợp để nhập khẩu một số nguyên liệu chính đảm bảo giá cả phù hợp cùng với việc chủ động duy trì và tìm kiếm khách hàng, doanh thu của Công ty năm qua vẫn duy trì được mức tương đương chỉ tiêu kinh doanh do ĐHCĐ giao phó. Đây là kết quả xứng đáng với những nỗ lực của Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV của Công ty.



#### Hoạt động đầu tư

Để đảm bảo việc sử dụng nguồn vốn hiệu quả cũng như đáp ứng tốt nhu cầu khách hàng. Các phòng ban đảm nhiệm hoạt động đầu tư đã phối hợp cùng các bộ phận kinh doanh và tài chính để rà soát lại nhu cầu đầu tư để giải ngân cho một cách hợp lý, đảm bảo cân đối được dòng tiền cho hoạt động kinh doanh.

#### Quan hệ nhà đầu tư

Năm 2021, Công ty tiếp tục tăng cường các hoạt động tương tác với nhà đầu tư, đặc biệt là việc công bố thông tin luôn được chú trọng không chỉ theo đúng yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh mà còn đẩy mạnh ở nhiều kênh tương tác với nhiều thông tin hữu ích về thị trường, về hoạt động sản xuất, hoạt động đầu tư,... giúp các cổ đông và nhà đầu tư nắm bắt được thông tin kịp thời. Điều này đã góp phần không nhỏ trong việc nâng cao hình ảnh minh bạch và hiệu quả của Công ty nói chung, HĐQT và Ban lãnh đạo nói riêng.



## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

HĐQT đưa ra định hướng, chỉ đạo và giám sát thường xuyên đối với hoạt động của Ban Tổng Giám đốc cũng như các bộ phận hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc, bảo đảm sự điều hành của Ban Tổng Giám đốc phù hợp với các quy định và chính sách của Công ty.

Trong năm qua, Ban Tổng Giám đốc đã triển khai các nhiệm vụ theo đúng tinh thần Nghị quyết đại hội cổ đông và Nghị quyết HĐQT, nỗ lực thực hiện tốt việc rà soát và bám sát chiến lược phát triển của Công ty, linh động điều chỉnh phù hợp với sự thay đổi của thị trường, gia tăng hiệu quả hoạt động, đồng thời luân thủ nghiêm chỉnh các quy chế, quy định trong hoạt động điều hành, phân cấp quản trị theo điều lệ, quy chế quản trị và các quy định nội bộ của Công ty

### CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

Tăng cường công tác quản trị công ty phù hợp luật định hiện hành đối với công ty cổ phần, bao gồm công ty mẹ, công ty con, và các công ty liên kết;



Duy trì các phiên họp thường kỳ hàng quý để thảo luận, thông qua các báo cáo, kế hoạch, chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc để triển khai nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đạt hiệu quả.



Thực hiện CBTT minh bạch, công khai, kịp thời về tình hình quản trị công ty và tình hình tài chính cho cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan chức năng, bảo đảm quyền và nghĩa vụ của cổ đông.



Thường xuyên rà soát đánh giá hiệu quả đối với từng khoản đầu tư tài chính hiện hữu. Tái cấu trúc lại hoạt động đầu tư nếu xét thấy cần thiết để đảm bảo hiệu quả năm sau luôn cao hơn năm trước.

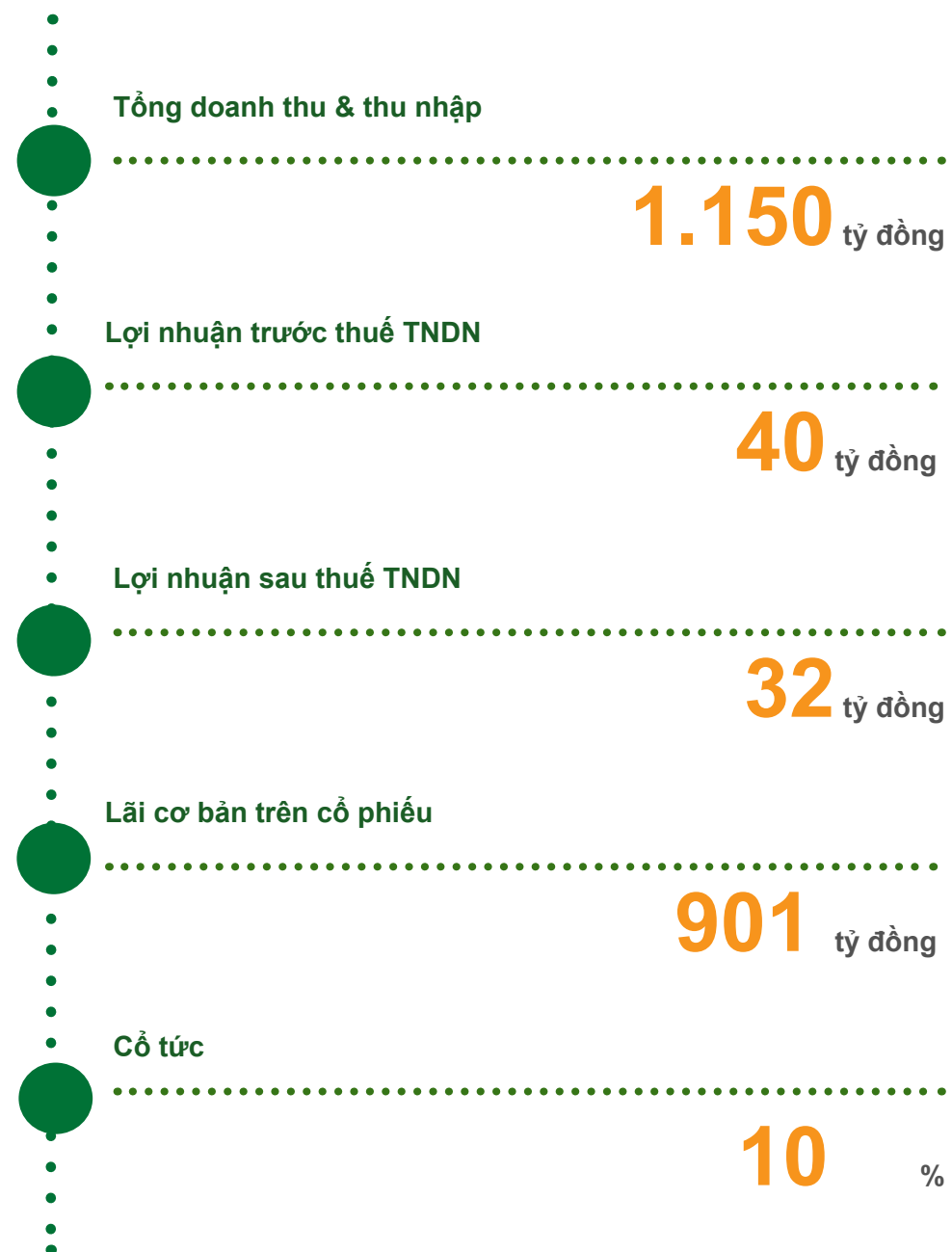






## CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

### Kế hoạch kinh doanh năm 2022



VIỄN ĐÔNG

- VÌ CỘNG ĐỒNG





- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD và Ban kiểm soát

QUẢN TRỊ  
CÔNG TY





Thành phần và cơ cấu HĐQT

| STT | Thành viên        | Chức vụ                 | Số lượng CP sở hữu | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|-------------------|-------------------------|--------------------|--------------|
| 1   | Bùi Quang Mẫn     | Chủ tịch HĐQT           | 5.858.195          | 16,49%       |
| 2   | Nguyễn Thị Thu    | Phó Chủ tịch HĐQT       | 2.534.586          | 7,14%        |
| 3   | Bùi Quang Khoa    | Thành viên HĐQT         | 278.592            | 0,78%        |
| 4   | Trần Hoàng Nghĩa  | Thành viên HĐQT         | 863.599            | 2,43%        |
| 5   | Phạm Thị Như Ngọc | Thành viên HĐQT độc lập | 0                  | 0%           |

Danh sách thay đổi thành viên HĐQT trong năm

| STT | Thành viên HĐQT    | Chức vụ                 | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập |                 |
|-----|--------------------|-------------------------|---------------------------------------------------------|-----------------|
|     |                    |                         | Ngày bổ nhiệm                                           | Ngày miễn nhiệm |
| 1   | Bùi Quang Mẫn      | Chủ tịch HĐQT           | 23/04/2021                                              | -               |
| 2   | Nguyễn Thị Thu     | Phó Chủ tịch HĐQT       | 23/04/2021                                              | -               |
| 3   | Bùi Quang Khoa     | Thành viên HĐQT         | 23/04/2021                                              | -               |
| 4   | Trần Hoàng Nghĩa   | Thành viên HĐQT         | 23/04/2021                                              | -               |
| 5   | Phạm Thị Như Ngọc  | Thành viên HĐQT độc lập | 23/04/2021                                              | -               |
| 6   | Trần Thị Thủy Tiên | Thành viên HĐQT độc lập |                                                         | 23/04/2021      |

Sơ yếu lý lịch của Hội đồng quản trị



ÔNG BÙI QUANG Mẫn  
CHỦ TỊCH HĐQT

|                                                                        |                                                           |
|------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| Ngày sinh                                                              | 14/10/1959                                                |
| Quốc tịch                                                              | Việt Nam                                                  |
| Địa chỉ thường trú                                                     | 3 Trần Quý Khoách , P. Tân Định , Q. 1 , TPHCM            |
| Trình độ chuyên môn                                                    | Đại học Kinh tế , Cao cấp QTDN                            |
| Quá trình công tác                                                     |                                                           |
| Từ 1998 đến 2002                                                       | Giám đốc Công ty TNHH Sản xuất TM Minh Phúc               |
| Từ 2001 đến 2006                                                       | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc CTCP Giấy Viễn Đông      |
| Từ 2006 đến nay                                                        | Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông |
| Từ 2015 đến nay                                                        | Tổng giám đốc Hệ thống trường Việt Mỹ (VASCHOOLS)         |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác                                      | Tổng giám đốc Hệ thống trường Việt Mỹ                     |
| Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay                              | 5.858.195 cổ phần, chiếm 16,50% VDL                       |
| Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan |                                                           |

| Tên                | Mối Quan hệ | Số lượng, tỷ lệ sở hữu                     |
|--------------------|-------------|--------------------------------------------|
| Bà Nguyễn Thị Thu  | Vợ          | 2.534.586 cổ phần, chiếm 7,14% vốn điều lệ |
| Ông Bùi Quang Minh | Con         | 436.178 cổ phần, chiếm 1,23% vốn điều lệ   |



# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## Sơ yếu lý lịch của Hội đồng quản trị



**ÔNG TRẦN HOÀNG NGHĨA**  
**THÀNH VIÊN HĐQT**

|                                                                        |                                                                     |
|------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| Ngày sinh                                                              | 15/05/1967                                                          |
| Quốc tịch                                                              | Việt Nam                                                            |
| Địa chỉ thường trú                                                     | 595/11C Cách Mạng Tháng Tám, P15, Q10, TP.HCM                       |
| Trình độ chuyên môn                                                    | Đại học Ngân Hàng                                                   |
| Quá trình công tác                                                     |                                                                     |
| Từ 08/2008 đến 08/2009                                                 | Phó Giám đốc Điều hành CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông  |
| Từ 09/2008 đến 12/2013                                                 | Giám đốc Điều hành CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông      |
| Từ 01/2014 đến 08/2016                                                 | Tổng Giám đốc Điều hành CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông |
| Từ 04/2011 đến nay                                                     | Thành viên HĐQT CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông         |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác                                      | Không có                                                            |
| Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay                              | 863.599 cổ phần, chiếm 2,43% VDL                                    |
| Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan |                                                                     |

| Tên                   | Mối Quan hệ | Số lượng, tỷ lệ sở hữu                   |
|-----------------------|-------------|------------------------------------------|
| Bà Mai Thị Trúc Giang | Vợ          | 166.893 cổ phần, chiếm 0,47% vốn điều lệ |



**BÀ PHẠM THỊ NHƯ NGỌC**  
**THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT**

|                                                                        |                                                                                                                  |
|------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Ngày sinh                                                              | 12/10/1989                                                                                                       |
| Quốc tịch                                                              | Việt Nam                                                                                                         |
| Địa chỉ thường trú                                                     | 8A Lê Lai , TP Pleiku , Tỉnh Gia Lai                                                                             |
| Trình độ chuyên môn                                                    | Đại học RMIT , ngành Thương mại                                                                                  |
| Quá trình công tác                                                     |                                                                                                                  |
| Từ 2011 đến 2013                                                       | Trợ lý Tổng giám đốc Tập đoàn Thành Thành Công                                                                   |
| Từ 2014 đến 2017                                                       | Chuyên viên Truyền thông Tập đoàn Isobar TP.HCM                                                                  |
| Từ 2018 đến nay                                                        | Trưởng phòng tư vấn CTCP Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt                                                   |
| Từ 2018 đến nay                                                        | Thành viên Độc lập HĐQT CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông                                              |
| Từ 2020 đến nay                                                        | Tổng giám đốc CTCP Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông                                                                   |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác                                      | Tổng giám đốc CTCP Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông<br>Trưởng phòng tư vấn CTCP Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt |
| Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay                              | 0 cổ phần, chiếm 0% VDL                                                                                          |
| Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan | Không có                                                                                                         |

Sơ yếu lý lịch Bà Nguyễn Thị Thu và Ông Bùi Quang Khoa vui lòng xem tại sơ yếu lí lịch Ban điều hành.

## Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Với chức năng tham mưu cho HĐQT, các tiểu ban trực thuộc HĐQT, bao gồm Ban Quan hệ cổ đông và truyền thông, Ban kiểm toán nội bộ và Ban trợ lý HĐQT luôn thực hiện tốt vai trò của mình, giúp HĐQT giám sát và kiểm soát hiệu quả hoạt động của Công ty.



Hoạt động của Hội đồng quản trị

Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm

Hội đồng quản trị đã hoạt động theo đúng quy trình của Điều lệ và Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, bám sát định hướng, chiến lược và căn cứ vào tình hình thực tế đưa ra các quyết định, chỉ đạo chính xác, kịp thời.

| STT | Thành viên HĐQT    | Chức vụ      | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp    |
|-----|--------------------|--------------|--------------------------|-------------------|----------------------------|
| 1   | Bùi Quang Mẫn      | Chủ tịch     | 12                       | 100%              |                            |
| 2   | Nguyễn Thị Thu     | Phó chủ tịch | 12                       | 100%              |                            |
| 3   | Bùi Quang Khoa     | Thành viên   | 12                       | 100%              |                            |
| 4   | Trần Hoàng Nghĩa   | Thành viên   | 12                       | 100%              |                            |
| 5   | Phạm Thị Như Ngọc  | TV. độc lập  | 12                       | 100%              |                            |
| 6   | Trần Thị Thủy Tiên | TV. độc lập  | 3                        | 25%               | Miễn nhiệm ngày 23/04/2021 |

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Với vai trò độc lập trong hoạt động của HĐQT, thành viên HĐQT độc lập luôn thể hiện tốt vai trò của mình, tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, đóng góp ý kiến mang tính chiến lược và đầy trách nhiệm cho sự phát triển chung của Công ty. Bên cạnh đó, thành viên HĐQT độc lập luôn theo dõi sát sao hoạt động điều hành, góp phần hạn chế, phòng ngừa rủi ro cho doanh nghiệp.

Đào tạo về quản trị công ty.

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty: Tham gia các lớp đào tạo trực tuyến về quản trị Công ty do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước và Sở Giao Dịch Chứng khoán TP.HCM tổ chức.

Hội đồng quản trị đã tổ chức 12 phiên họp, trong đó có phiên họp trực tiếp và phiên họp được tiến hành lấy ý kiến bằng văn bản. Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

| STT | Số Nghị quyết     | Ngày       | Nội dung                                                                                            |
|-----|-------------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | 01.21 NQ/VID-HĐQT | 08/01/2021 | v/v Đánh giá tình hình HĐKD trong năm 2020 và định hướng HĐKD năm 2021                              |
| 2   | 01.21 QĐ/VID-HĐQT | 01/03/2021 | v/v Triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ Thường niên 2021                                                       |
| 3   | 02.21 QĐ/VID-HĐQT | 25/03/2021 | v/v Thành lập Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT                                                  |
| 4   | 02.21 NQ/VID-HĐQT | 26/04/2021 | V/v Bầu cử Chủ tịch HĐQT và phân công nhiệm vụ Thành viên HĐQT nhiệm kỳ V (2021-2025)               |
| 5   | 03.21 NQ/VID-HĐQT | 29/04/2021 | v/v Ban hành Điều lệ và Quy chế hoạt động của công ty                                               |
| 6   | 03.21 QĐ/VID-HĐQT | 26/05/2021 | v/v Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020                                                       |
| 7   | 04.21 QĐ/VID-HĐQT | 01/06/2021 | v/v Lựa chọn công ty kiểm toán BCTC năm 2021                                                        |
| 8   | 05.21 QĐ/VID-HĐQT | 17/06/2021 | v/v Chốt danh sách cổ đông thực hiện chi trả cổ tức năm 2020                                        |
| 9   | 06.21 NQ/VID-HĐQT | 06/07/2021 | v/v Kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và các vấn đề liên quan khác                           |
| 10  | 07.21 QĐ/VID-HĐQT | 10/08/2021 | v/v Xử lý số tiền phạt vi phạm hành chính về thuế                                                   |
| 11  | 06.21 NQ/VID-HĐQT | 20/10/2021 | v/v Cam kết trình ĐHĐCĐ gần nhất để điều chỉnh chi tiết một số ngành nghề trong lĩnh vực kinh doanh |
| 12  | 07.21 NQ/VID-HĐQT | 03/12/2021 | v/v Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản                                                                 |
| 13  | 08.21 NQ/VID-HĐQT | 16/12/2021 | v/v Tăng vốn đầu tư tài chính dài hạn năm 2021                                                      |

Thành phần và cơ cấu BKS

| STT | Thành viên          | Chức vụ    | Số lượng CP sở hữu | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|---------------------|------------|--------------------|--------------|
| 1   | Lê Thị Minh Giang   | Trưởng ban | 199.467            | 0,56%        |
| 2   | Trần Thị Thanh Thủy | Thành viên | 0                  | 0            |
| 3   | Bùi Thị Ngọc Yến    | Thành viên | 1.674.236          | 4,71%        |

Số lượng các cuộc họp Ban kiểm soát

| STT | Thành viên BKS      | Chức vụ    | Số buổi họp BKS tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|-----|---------------------|------------|-------------------------|-------------------|-------------------------|
| 1   | Lê Thị Minh Giang   | Trưởng ban | 3                       | 100%              |                         |
| 2   | Trần Thị Thanh Thủy | Thành viên | 3                       | 100%              |                         |
| 3   | Bùi Thị Ngọc Yến    | Thành viên | 3                       | 100%              |                         |

Nội dung và kết quả của các cuộc họp.

| STT | Số văn bản       | Ngày       | Nội dung                                                                                          |
|-----|------------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Biên bản họp BKS | 30/03/2021 | v/v Xem xét thông qua dự thảo Báo cáo của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 |
| 2   | Biên bản họp BKS | 26/04/2021 | v/v Bầu cử Trưởng ban kiểm soát và ban hành qui chế hoạt động của BKS                             |
| 3   | Biên bản họp BKS | 31/05/2021 | v/v Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC 2021                      |

Sơ yếu lý lịch của Ban Kiểm soát



**BÀ LÊ THỊ MINH GIANG**  
**TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

|                                                                        |                                                                  |
|------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|
| Ngày sinh                                                              | 26/01/1969                                                       |
| Quốc tịch                                                              | Việt Nam                                                         |
| Địa chỉ thường trú                                                     | 115 Nguyễn Cửu Vân, P17, Q Bình Thạnh, TP.HCM                    |
| Trình độ chuyên môn                                                    | Cử nhân Kinh tế , ngành Kế toán                                  |
| Quá trình công tác                                                     |                                                                  |
| Từ 1991 đến 1993                                                       | Nhân viên kế toán Xí nghiệp văn phòng phẩm 3 , Tocontap SG       |
| Từ 1994 đến 2011                                                       | Nhân viên kế toán - Kế toán trưởng CTCP Thương mại Toàn lực      |
| Từ 2011 đến nay                                                        | Kế toán trưởng CTCP Ấn tượng Việt                                |
| Từ 2019 đến nay                                                        | Trưởng Ban kiểm soát CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác                                      | Kế toán trưởng CTCP Ấn tượng Việt                                |
| Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay                              | 199.467 cổ phần, chiếm 0,56% VDL                                 |
| Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan |                                                                  |

| Tên                  | Mối Quan hệ | Số lượng, tỷ lệ sở hữu                   |
|----------------------|-------------|------------------------------------------|
| Bà Lê Thị Minh Thủy  | Em          | 8.922 cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ   |
| Bà Ngô Thị Ngọc Diệp | Em dâu      | 609.776 cổ phần, chiếm 1,72% vốn điều lệ |



# BAN KIỂM SOÁT

## Sơ yếu lý lịch của Ban Kiểm soát



**BÀ TRẦN THỊ THANH THỦY**  
**THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

|                                                                        |                                                                      |
|------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|
| Ngày sinh                                                              | 05/01/1979                                                           |
| Quốc tịch                                                              | Việt Nam                                                             |
| Địa chỉ thường trú                                                     | 38/4F Ấp Xuân Thới Đông 2, Xã Xuân Thới Đông, Huyện Hóc Môn.         |
| Trình độ chuyên môn                                                    | Kế Toán Doanh Nghiệp                                                 |
| Quá trình công tác                                                     |                                                                      |
| Từ 2010 đến 2018                                                       | Nhân viên Kế Toán CTCP Giấy Toàn Lực                                 |
| Từ 2018 đến 2020                                                       | Trưởng Phòng Kho Vận CTCP Giấy Toàn Lực                              |
| Từ 2020 đến nay                                                        | Phó giám đốc phụ trách Kho vận CTCP Giấy Toàn Lực                    |
| Từ 2020 đến nay                                                        | Thành viên Ban kiểm soát CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác                                      | Phó giám đốc phụ trách Kho vận CTCP Giấy Toàn Lực                    |
| Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay                              | 0 cổ phần, chiếm 0% VDL                                              |
| Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan | Không có                                                             |



**BÀ BÙI THỊ NGỌC YẾN**  
**THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

|                                                                        |                                                                      |
|------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|
| Ngày sinh                                                              | 25/09/1988                                                           |
| Quốc tịch                                                              | Việt Nam                                                             |
| Địa chỉ thường trú                                                     | 86 Hai Bà Trưng, Tp.Pleiku, Gia Lai                                  |
| Trình độ chuyên môn                                                    | Cử nhân kinh tế đối ngoại                                            |
| Quá trình công tác                                                     |                                                                      |
| Từ 2010 đến 2011                                                       | Nhân viên Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)                         |
| Từ 2011 đến 2020                                                       | Trưởng phòng Xuất nhập khẩu CTCP Giấy Toàn Lực                       |
| Từ 2020 đến nay                                                        | Phó giám đốc CTCP Giấy Toàn Lực                                      |
| Từ 2020 đến nay                                                        | Thành viên Ban kiểm soát CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác                                      | Phó giám đốc CTCP Giấy Toàn Lực                                      |
| Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay                              | 1.674.236 cổ phần, chiếm 4,71% VDL                                   |
| Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan |                                                                      |

| Tên                  | Mối Quan hệ | Số lượng, tỷ lệ sở hữu                     |
|----------------------|-------------|--------------------------------------------|
| Bà Bùi Thị Ngọc Minh | Em          | 1.722.497 cổ phần, chiếm 4,85% vốn điều lệ |

# BAN KIỂM SOÁT

## Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông

- Hội đồng Quản trị và Ban TGD Công ty luôn tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật liên quan đến hoạt động kinh doanh, cũng như phù hợp với Điều lệ Công ty và các nội dung Nghị quyết đã được ĐHĐCĐ phê duyệt.
- HĐQT luôn theo sát và hỗ trợ Ban TGD trong công tác điều hành và đưa ra các quyết định kịp thời, hiệu quả trong việc thực hiện các nội dung kế hoạch kinh doanh và đầu tư của Công ty.
- Ban TGD và các cấp quản lý đã làm tốt công việc của mình, với tinh thần trách nhiệm, quyết tâm cao đã nỗ lực hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh trong năm và thực hiện nghiêm túc các nội dung theo đúng các Nghị quyết, quyết định của HĐQT và của ĐHĐCĐ giao phó.
- Việc công bố thông tin đến cổ đông được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng theo quy định.

## Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Phối hợp với Ban Tổng giám đốc để lập Báo cáo thẩm định kết quả hoạt động kinh doanh-tài chính năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021 cũng như phương hướng hoạt động nhiệm kỳ (2021-2025) của Ban kiểm soát (trình Đại hội đồng cổ đông thông qua); xem xét các Báo cáo tài chính năm 2020 và 6 tháng đầu năm 2021; Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán BCTC năm 2021 của công ty mẹ và hợp nhất...



# CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

| STT                                    | Họ và tên           | Chức danh         | Lương và thưởng năm 2021 (ĐVT: Đồng) |
|----------------------------------------|---------------------|-------------------|--------------------------------------|
| I Lương và thưởng Ban Tổng giám đốc    |                     |                   |                                      |
| 1                                      | Bùi Quang Minh      | Tổng Giám đốc     | 252.680.000                          |
| 2                                      | Bùi Quang Khoa      | Phó Tổng Giám đốc | 112.302.598                          |
| 3                                      | Nguyễn Thị Thu      | Phó Tổng Giám đốc | 259.740.232                          |
| Tổng cộng                              |                     |                   | 624.722.830                          |
| II Thù lao và thưởng Hội đồng quản trị |                     |                   |                                      |
| 1                                      | Bùi Quang Mẫn       | Chủ tịch          | 340.500.000                          |
| 2                                      | Nguyễn Thị Thu      | Phó chủ tịch      | 99.000.000                           |
| 3                                      | Trần Hoàng Nghĩa    | Thành viên        | 49.500.000                           |
| 4                                      | Bùi Quang Khoa      | Thành viên        | 49.500.000                           |
| 5                                      | Phạm Thị Như Ngọc   | TV. độc lập       | 49.500.000                           |
| 6                                      | Trần Thị Thủy Tiên  | TV. độc lập       | 4.500.000                            |
| Tổng cộng                              |                     |                   | 592.500.000                          |
| III Thù lao và thưởng BKS              |                     |                   |                                      |
| 1                                      | Lê Thị Minh Giang   | Trưởng ban        | 51.000.000                           |
| 2                                      | Trần Thị Thanh Thủy | Thành viên        | 31.500.000                           |
| 3                                      | Bùi Thị Ngọc Yến    | Thành viên        | 31.500.000                           |
| Tổng cộng                              |                     |                   | 114.000.000                          |



# CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

## Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

Không có

## Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ.

| Tên tổ chức/cá nhân                 | Mối quan hệ liên quan với công ty | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ                                                    |
|-------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|
| CTCP Giấy Toàn Lực                  | Công ty con                       | 0305623305                      | Lô A2-8 Đường N5, KCN Tây Bắc Củ Chi, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh |
| CTCP Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông    | Công ty liên kết                  | 0300716891                      | 102A Phó Cơ Điều, phường 4, quận 11, Tp Hồ Chí Minh                                      |
| CTCP Sách và Dịch Vụ Văn Hóa Tây Đô | Công ty liên kết                  | 1800531192                      | 29 Phan Đình Phùng, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ                                    |
| CTCP ĐT PT Giáo Dục Hoàng Việt      | Công ty liên kết                  | 0306213397                      | 252 Lạc Long Quân, phường 10, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh                             |
| CTCP Văn Hóa Giáo Dục Việt Mỹ       | Người liên quan với HĐQT          | 0305072778                      | 252 Lạc Long Quân, Phường 10, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam                   |
| CTCP Thương Mại Toàn Lực            | Người liên quan với HĐQT          | 0301307242                      | 806 Âu Cơ, P. 10, Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh                                              |

## Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Về quản trị Công ty thực hiện theo các Quy định của pháp luật, luôn công khai, minh bạch, có hiệu quả.

Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát. Không có

| Thời điểm giao dịch với công ty | Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/                                                  |
|---------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2021                            | 26/03 NQ/GTL-ĐHĐCĐ ngày 26/03/2021 và 12/11 NQ/GTL-ĐHĐCĐ ngày 17/12/2021           | Hợp đồng giao dịch/thỏa thuận thương mại mua bán dịch vụ tổng giá trị là 85.030.293.839 đồng |
| 2021                            | 06/NQ-HĐQT ngày 20/09/2021                                                         | Hợp đồng giao dịch/thỏa thuận thương mại mua bán dịch vụ tổng giá trị là 7.705.294.000 đồng  |
| 2021                            | NQ - ĐHĐCĐ ngày 30/06/2021                                                         | Hợp đồng giao dịch/thỏa thuận thương mại mua bán dịch vụ tổng giá trị là 4.361.116.433 đồng  |
| 2021                            | Biên bản họp ĐHCĐ ngày 16/12/2021                                                  | Hợp đồng giao dịch/thỏa thuận thương mại mua bán dịch vụ tổng giá trị là 7.458.750.000 đồng  |
| 2021                            | Biên bản họp ĐHCĐ ngày 24/09/2021                                                  | Hợp đồng giao dịch/thỏa thuận thương mại mua bán dịch vụ tổng giá trị là 29.696.954.163 đồng |
| 2021                            |                                                                                    | Hợp đồng giao dịch/thỏa thuận thương mại mua bán dịch vụ tổng giá trị là 90.000.000 đồng     |



- Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính kiểm toán 2021

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2021

VI



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông (Công ty mẹ) và Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực (Công ty con) (dưới đây gọi tắt là "Nhóm Công ty") đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

**1. Thông tin chung**

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông được thành lập theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0300377536 đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 10 năm 2000, và các đăng ký thay đổi sau đó với lần gần đây nhất (lần thứ 16) vào ngày 24 tháng 09 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 355.107.890.000 đồng.

Mã chứng khoán: VID

Hoạt động của Công ty là:

- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất giấy vệ sinh, băng vệ sinh, khăn giấy; Các sản phẩm khác từ giấy; Gia công, sản xuất bao bì giấy; Gia công: giấy vệ sinh, khăn giấy (trừ sản xuất bột giấy, tái chế phế thải tại trụ sở);
- Sửa chữa máy móc, thiết bị. Chi tiết: sửa chữa thiết bị sản xuất giấy (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế thiết bị sản xuất giấy;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Chế tạo, gia công thiết bị sản xuất giấy; Vật tư, thiết bị ngành giấy; Gia công, sản xuất bao bì nhôm, nhựa (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Chi tiết: Lắp đặt thiết bị sản xuất giấy (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở;
- Giáo dục trung học phổ thông;
- Đào tạo cao đẳng (không hoạt động tại trụ sở);
- Đào tạo đại học (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh giấy vệ sinh, băng vệ sinh, khăn giấy; Các sản phẩm khác từ giấy; Vật tư, thiết bị ngành giấy; Xuất nhập khẩu: các loại giấy, vật tư, thiết bị ngành giấy. Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với pháp luật quy định. Mua bán vật tư ngành in, nguyên liệu ngành sản xuất thuốc lá, giấy, đầu lọc, màng nhôm, màng nhựa. Mua bán sản phẩm bao bì, nhãn mác, hộp, vật tư, thiết bị ngành in;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh);
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Hoạt động của các cơ sở thể thao. Chi tiết: Hoạt động của các cơ sở tổ chức các sự kiện thể thao trong nhà hoặc ngoài trời (sân vận động bóng đá) (trừ hoạt động của các sân nhảy);

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Dịch vụ ăn uống khác. Chi tiết: hoạt động cung cấp dịch vụ ăn uống cho các sự kiện trong một khoảng thời gian cụ thể; Đồ ăn thường được chế biến tại địa điểm của đơn vị cung cấp dịch vụ, sau đó vận chuyển đến nơi cung cấp cho khách hàng; cung cấp suất ăn theo hợp đồng; hoạt động của các căng tin và nhà hàng tự phục vụ trên cơ sở nhượng quyền (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ);
- Dịch vụ phục vụ đồ uống. Chi tiết: hoạt động chế biến và phục vụ đồ uống cho khách hàng tiêu dùng tại chỗ, quán giải khát, hàng bia, quán cà phê, nước hoa quả, giải khát, dịch vụ đồ uống khác như: nước mía, nước sinh tố, quán chè, xe bán rong đồ uống (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ);
- Đào tạo trung cấp. Chi tiết: Đào tạo nghề; Giáo dục trung cấp chuyên nghiệp (không hoạt động tại trụ sở); Dạy nghề;
- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên;
- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư;
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa. Chi tiết: Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán hàng nông sản, sản phẩm chế biến từ nông sản (Thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy Ban Nhân Dân Tp. Hồ Chí Minh quy hoạch về ngành nghề kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn Tp. Hồ Chí Minh);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh nhà. Cho thuê văn phòng, kho bãi, nhà xưởng;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Môi giới bất động sản;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn tự động phục vụ, quán ăn nhanh có phục vụ đồ ăn mang về, xe bán hàng ăn lưu động (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ);
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: khu vui chơi giải trí (không hoạt động tại trụ sở);
- Điều hành tua du lịch. Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa;
- Giáo dục văn hoá nghệ thuật (trừ hoạt động sân khấu);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (có nội dung được phép lưu hành);
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (không kinh doanh đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ sản xuất giấy;
- Đào tạo thạc sỹ (không hoạt động tại trụ sở);



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Đào tạo tiến sỹ (không hoạt động tại trụ sở);
- Vệ sinh chung nhà cửa;
- Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng. Chi tiết: Hoạt động cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng nhân các sự kiện như phục vụ tiệc, hội nghị, tiệc gia đình, đám cưới hoặc hợp đồng dịch vụ ăn uống, phục vụ ăn uống cho các sự kiện thể thao, hội nghị hoặc tương tự, cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng tại địa điểm mà khách hàng yêu cầu nhân các công việc của họ như tiệc hội nghị cơ quan, doanh nghiệp, đám cưới, các công việc gia đình khác.

**2. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

| Họ và tên:              | Chức vụ:                                        |
|-------------------------|-------------------------------------------------|
| - Ông Bùi Quang Mẫn     | Chủ tịch – người đại diện theo pháp luật        |
| - Bà Nguyễn Thị Thu     | Phó Chủ tịch                                    |
| - Ông Trần Hoàng Nghĩa  | Thành viên                                      |
| - Ông Bùi Quang Khoa    | Thành viên                                      |
| - Bà Phạm Thị Như Ngọc  | Thành viên độc lập                              |
| - Bà Trần Thị Thủy Tiên | Thành viên độc lập [Miễn nhiệm ngày 23/04/2021] |

Các thành viên của Ban Kiểm soát của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

| Họ và tên:               | Chức vụ:   |
|--------------------------|------------|
| - Bà Lê Thị Minh Giang   | Trưởng ban |
| - Bà Trần Thị Thanh Thủy | Thành viên |
| - Bà Bùi Thị Ngọc Yến    | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này là:

| Họ và tên:                | Chức vụ:          |
|---------------------------|-------------------|
| - Ông Bùi Quang Minh      | Tổng Giám đốc     |
| - Bà Nguyễn Thị Thu       | Phó Tổng Giám đốc |
| - Ông Bùi Quang Khoa      | Phó Tổng Giám đốc |
| - Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên | Kế toán trưởng    |

**3. Trụ sở**

Công ty có trụ sở tại 806 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

**4. Tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất hợp nhất**

Chi tiết tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Nhóm Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán đính kèm.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5. Các sự kiện quan trọng phát sinh trong năm tài chính**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 số 01.21 NQ/VID-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 04 năm 2021 về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận Năm 2021 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 03.21 QĐ/VID-HĐQT ngày 26 tháng 05 năm 2021 về thông qua triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức Năm 2021. Cụ thể số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành là 4.632.010 cổ phiếu tương ứng 46.320.100.000 đồng và tăng vốn điều lệ lên thành 355.120.800.000 đồng. Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 06.21 QĐ/VID-HĐQT ngày 07 tháng 07 năm 2021 về kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức thì tổng số cổ phiếu đã phân phối là 4.630.719 cổ phiếu tương đương 46.307.190.000 đồng. Tổng số cổ phiếu lưu hành sau đợt phát hành là: 35.510.789 cổ phiếu tương đương vốn điều lệ là 355.107.890.000 đồng. Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh đã chấp thuận cho Công ty được thay đổi niêm yết chứng khoán kể từ ngày 29 tháng 07 năm 2021 theo Quyết định số 386/QĐ-SGDHCM ngày 27 tháng 07 năm 2021.

Trong năm, Công ty nhận được Quyết định số 994/QĐ-CT ngày 19 tháng 04 năm 2021 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế. Theo Quyết định này Công ty bị truy thu thuế với số tiền 6.898.859.518 đồng và phạt chậm nộp, phạt vi phạm hành chính với số tiền 4.217.244.488 đồng. Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 07.21 QĐ/VID-HĐQT ngày 10 tháng 08 năm 2021 thống nhất thông qua dùng Quỹ đầu tư phát triển của Công ty để bù đắp cho khoản tiền truy thu và thống nhất đưa số tiền phạt chậm nộp và phạt vi phạm hành chính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện quan trọng nào phát sinh trong năm cần được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

**6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ**

Hiện nay tình hình COVID-19 tiếp tục có những diễn biến khó lường và có những sự không chắc chắn. Trên thế giới, dịch bệnh vẫn đang có những diễn biến xấu và chưa được kiểm soát. Sự không chắc chắn này đặt ra các câu hỏi về sự suy giảm giá trị của một số tài sản nhất định và gây ảnh hưởng tiêu cực tới tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của Nhóm Công ty. Do tình hình diễn biến phức tạp nên sự ảnh hưởng của dịch bệnh vẫn chưa được đánh giá đầy đủ. Tuy nhiên rất có thể đại dịch COVID - 19 sẽ tiếp tục ảnh hưởng đáng kể tới doanh thu và kết quả hoạt động trong giai đoạn tiếp theo của Nhóm Công ty, mức độ cụ thể phụ thuộc vào thời gian kéo dài của dịch bệnh và tình hình kiểm soát của Chính phủ.

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng, không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Nhóm Công ty bị phản ánh sai lệch.

**7. Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Nhóm Công ty.



**8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Nhóm Công ty. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Nhóm Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 Năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

**9. Ý kiến của Ban Tổng Giám đốc**

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Nhóm Công ty.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2022

**THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Bùi Quang Minh  
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2022

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Bùi Quang Mẫn  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông ("Công ty") và Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực ("Công ty con") (gọi tắt là "Nhóm Công ty"), được lập ngày 23 tháng 03 năm 2022, từ trang 10 đến trang 51, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh • Tel: +84 28 39 333 444 • Fax: +84 28 3930 8769 • Email: pkf.hcm@pkf.com.vn • Website: www.pkf.com.vn  
28 Nguyễn Thị Diệu • Phường Võ Thị Sáu • Quận 3 • Thành Phố Hồ Chí Minh • Việt Nam

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam.**



**Trương Quang Trung**

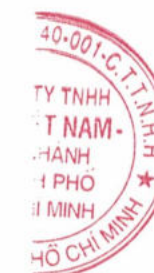
Giám đốc Chi nhánh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1752-2018-242-1

**Nguyễn Thị Hoàng Vân**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1561-2022-242-1





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN                                          | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2021             | 01/01/2021             |
|--------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                          | <b>100</b> |             | <b>676.976.245.146</b> | <b>428.539.648.492</b> |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>        | <b>110</b> |             | <b>106.205.414.582</b> | <b>50.979.960.339</b>  |
| Tiền                                             | 111        | 5.1         | 106.205.414.582        | 50.979.960.339         |
| Các khoản tương đương tiền                       | 112        |             | -                      | -                      |
| <b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>       | <b>120</b> | <b>5.2a</b> | <b>71.648.807.671</b>  | <b>65.798.807.671</b>  |
| Chứng khoán kinh doanh                           | 121        |             | -                      | -                      |
| Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)     | 122        |             | -                      | -                      |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                  | 123        |             | 71.648.807.671         | 65.798.807.671         |
| <b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>               | <b>130</b> |             | <b>246.177.718.913</b> | <b>223.627.833.952</b> |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng                 | 131        | 5.3         | 281.086.142.907        | 221.570.177.487        |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn                 | 132        | 5.4         | 8.404.412.802          | 38.801.530.086         |
| Phải thu nội bộ ngắn hạn                         | 133        |             | -                      | -                      |
| Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134        |             | -                      | -                      |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn                     | 135        | 5.6a        | 7.674.000.000          | -                      |
| Phải thu ngắn hạn khác                           | 136        | 5.5         | 5.794.064.246          | 14.637.307.447         |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)           | 137        | 5.7         | (56.780.901.042)       | (51.381.181.068)       |
| Tài sản thiếu chờ xử lý                          | 139        |             | -                      | -                      |
| <b>Hàng tồn kho</b>                              | <b>140</b> | <b>5.8</b>  | <b>243.654.990.196</b> | <b>83.085.932.644</b>  |
| Hàng tồn kho                                     | 141        |             | 244.253.081.726        | 87.477.252.806         |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)               | 149        |             | (598.091.530)          | (4.391.320.162)        |
| <b>Tài sản ngắn hạn khác</b>                     | <b>150</b> |             | <b>9.289.313.784</b>   | <b>5.047.113.886</b>   |
| Chi phí trả trước ngắn hạn                       | 151        | 5.9a        | 154.964.755            | 92.443.508             |
| Thuế GTGT được khấu trừ                          | 152        |             | 9.134.349.029          | 4.954.670.378          |
| Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước         | 153        |             | -                      | -                      |
| Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       | 154        |             | -                      | -                      |
| Tài sản ngắn hạn khác                            | 155        |             | -                      | -                      |

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN                                      | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2021               | 01/01/2021             |
|----------------------------------------------|------------|-------------|--------------------------|------------------------|
| <b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                       | <b>200</b> |             | <b>491.881.074.859</b>   | <b>519.753.230.437</b> |
| <b>Các khoản phải thu dài hạn</b>            | <b>210</b> |             | <b>66.450.000.000</b>    | <b>97.740.000.000</b>  |
| Phải thu dài hạn của khách hàng              | 211        |             | -                        | -                      |
| Trả trước cho người bán dài hạn              | 212        |             | -                        | -                      |
| Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc           | 213        |             | -                        | -                      |
| Phải thu nội bộ dài hạn                      | 214        |             | -                        | -                      |
| Phải thu về cho vay dài hạn                  | 215        | 5.6b        | 66.150.000.000           | 97.740.000.000         |
| Phải thu dài hạn khác                        | 216        |             | 300.000.000              | -                      |
| Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)        | 219        |             | -                        | -                      |
| <b>Tài sản cố định</b>                       | <b>220</b> |             | <b>73.314.814.808</b>    | <b>79.555.935.874</b>  |
| Tài sản cố định hữu hình                     | 221        | 5.11        | 49.269.631.615           | 55.281.895.317         |
| - Nguyên giá                                 | 222        |             | 105.952.281.270          | 104.460.042.375        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*)                 | 223        |             | (56.682.649.655)         | (49.178.147.058)       |
| Tài sản cố định thuê tài chính               | 224        |             | -                        | -                      |
| - Nguyên giá                                 | 225        |             | -                        | -                      |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*)                 | 226        |             | -                        | -                      |
| Tài sản cố định vô hình                      | 227        | 5.12        | 24.045.183.193           | 24.274.040.557         |
| - Nguyên giá                                 | 228        |             | 26.930.027.271           | 26.930.027.271         |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*)                 | 229        |             | (2.884.844.078)          | (2.655.986.714)        |
| <b>Bất động sản đầu tư</b>                   | <b>230</b> |             | -                        | -                      |
| - Nguyên giá                                 | 231        |             | -                        | -                      |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*)                 | 232        |             | -                        | -                      |
| <b>Tài sản dở dang dài hạn</b>               | <b>240</b> |             | -                        | -                      |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241        |             | -                        | -                      |
| Chi phí XDCB dở dang                         | 242        |             | -                        | -                      |
| <b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>    | <b>250</b> | <b>5.2b</b> | <b>347.042.370.047</b>   | <b>334.736.466.515</b> |
| Đầu tư vào công ty con                       | 251        |             | -                        | -                      |
| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết      | 252        |             | 205.770.930.047          | 193.465.026.515        |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác               | 253        |             | 141.608.940.000          | 141.608.940.000        |
| Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)         | 254        |             | (337.500.000)            | (337.500.000)          |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              | 255        |             | -                        | -                      |
| <b>Tài sản dài hạn khác</b>                  | <b>260</b> |             | <b>5.073.890.004</b>     | <b>7.720.828.048</b>   |
| Chi phí trả trước dài hạn                    | 261        | 5.9b        | 623.516.637              | 2.380.380.008          |
| Tài sản thuê thu nhập hoãn lại               | 262        |             | -                        | -                      |
| Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn  | 263        |             | -                        | -                      |
| Tài sản dài hạn khác                         | 268        |             | -                        | -                      |
| Lợi thế thương mại                           | 269        | 5.10        | 4.450.373.367            | 5.340.448.040          |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                     | <b>270</b> |             | <b>1.168.857.320.005</b> | <b>948.292.878.929</b> |



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2021  
Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN                                  | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2021             | 01/01/2021             |
|--------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>NỢ PHẢI TRẢ</b>                         | <b>300</b> |             | <b>624.750.210.138</b> | <b>430.349.353.606</b> |
| <b>Nợ ngắn hạn</b>                         | <b>310</b> |             | <b>624.750.210.138</b> | <b>421.934.353.606</b> |
| Phải trả người bán ngắn hạn                | 311        | 5.13        | 230.346.027.510        | 111.993.159.153        |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn          | 312        | 5.14        | 57.485.911.891         | 11.466.048.068         |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước        | 313        | 5.15        | 9.329.603.694          | 9.943.536.765          |
| Phải trả người lao động                    | 314        |             | 1.030.852.538          | 1.731.658.846          |
| Chi phí phải trả ngắn hạn                  | 315        | 5.16        | 564.198.024            | -                      |
| Phải trả nội bộ ngắn hạn                   | 316        |             | -                      | -                      |
| Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng | 317        |             | -                      | -                      |
| Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn          | 318        |             | -                      | -                      |
| Phải trả ngắn hạn khác                     | 319        | 5.17        | 21.148.769.578         | 3.081.160.015          |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn          | 320        | 5.18a       | 301.825.787.480        | 280.695.397.336        |
| Dự phòng phải trả ngắn hạn                 | 321        |             | -                      | -                      |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi                  | 322        | 5.19        | 3.019.059.423          | 3.023.393.423          |
| Quỹ bình ổn giá                            | 323        |             | -                      | -                      |
| Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324        |             | -                      | -                      |
| <b>Nợ dài hạn</b>                          | <b>330</b> |             | -                      | <b>8.415.000.000</b>   |
| Phải trả người bán dài hạn                 | 331        |             | -                      | -                      |
| Người mua trả tiền trước dài hạn           | 332        |             | -                      | -                      |
| Chi phí phải trả dài hạn                   | 333        |             | -                      | -                      |
| Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh          | 334        |             | -                      | -                      |
| Phải trả nội bộ dài hạn                    | 335        |             | -                      | -                      |
| Doanh thu chưa thực hiện dài hạn           | 336        |             | -                      | -                      |
| Phải trả dài hạn khác                      | 337        |             | -                      | -                      |
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn           | 338        | 5.18b       | -                      | 8.415.000.000          |
| Trái phiếu chuyển đổi                      | 339        |             | -                      | -                      |
| Cổ phiếu ưu đãi                            | 340        |             | -                      | -                      |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả            | 341        |             | -                      | -                      |
| Dự phòng phải trả dài hạn                  | 342        |             | -                      | -                      |
| Quỹ phát triển khoa học và công nghệ       | 343        |             | -                      | -                      |

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2021  
Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN                                | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2021               | 01/01/2021             |
|------------------------------------------|------------|-------------|--------------------------|------------------------|
| <b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                    | <b>400</b> |             | <b>544.107.109.867</b>   | <b>517.943.525.323</b> |
| <b>Vốn chủ sở hữu</b>                    | <b>410</b> | <b>5.20</b> | <b>544.107.109.867</b>   | <b>517.943.525.323</b> |
| Vốn góp của chủ sở hữu                   | 411        |             | 355.107.890.000          | 308.800.700.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a       |             | 355.107.890.000          | 308.800.700.000        |
| - Cổ phiếu ưu đãi                        | 411b       |             | -                        | -                      |
| Thặng dư vốn cổ phần                     | 412        |             | 3.254.265.000            | 3.254.265.000          |
| Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu         | 413        |             | -                        | -                      |
| Vốn khác của chủ sở hữu                  | 414        |             | 2.967.606.986            | 2.967.606.986          |
| Cổ phiếu quỹ (*)                         | 415        |             | -                        | -                      |
| Chênh lệch đánh giá lại tài sản          | 416        |             | -                        | -                      |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái               | 417        |             | -                        | -                      |
| Quỹ đầu tư phát triển                    | 418        |             | 8.425.799.489            | 15.324.659.007         |
| Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp          | 419        |             | -                        | -                      |
| Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu            | 420        |             | 105.844.658              | 105.844.658            |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối        | 421        |             | 74.206.987.984           | 85.749.955.741         |
| - LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước  | 421a       |             | 33.611.993.841           | 35.186.063.176         |
| - LNST chưa phân phối kỳ này             | 421b       |             | 40.594.994.143           | 50.563.892.565         |
| Nguồn vốn đầu tư XDCB                    | 422        |             | -                        | -                      |
| Lợi ích cổ đông không kiểm soát          | 429        |             | 100.038.715.750          | 101.740.493.931        |
| <b>Nguồn kinh phí</b>                    | <b>430</b> |             | -                        | -                      |
| Nguồn kinh phí                           | 432        |             | -                        | -                      |
| Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ        | 433        |             | -                        | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>               | <b>440</b> |             | <b>1.168.857.320.005</b> | <b>948.292.878.929</b> |

Ngày 23 tháng 03 năm 2022

|                                                                                       |                                                                                       |                                                                                       |
|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>NGƯỜI LẬP BIỂU</b>                                                                 | <b>KẾ TOÁN TRƯỞNG</b>                                                                 | <b>TỔNG GIÁM ĐỐC</b>                                                                  |
|  |  |  |
| Nguyễn Thị Thủy Tiên                                                                  | Nguyễn Thị Thủy Tiên                                                                  | Bùi Quang Minh                                                                        |





**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU                                               | Mã số     | Thuyết minh | Năm 2021                 | Năm 2020                 |
|--------------------------------------------------------|-----------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ                 | 01        | 6.1         | 1.063.513.531.840        | 1.088.981.800.788        |
| Các khoản giảm trừ doanh thu                           | 02        |             | -                        | -                        |
| <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> | <b>10</b> | <b>6.1</b>  | <b>1.063.513.531.840</b> | <b>1.088.981.800.788</b> |
| Giá vốn hàng bán                                       | 11        | 6.2         | 938.863.687.707          | 1.000.180.521.971        |
| <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>   | <b>20</b> |             | <b>124.649.844.133</b>   | <b>88.801.278.817</b>    |
| Doanh thu hoạt động tài chính                          | 21        | 6.3         | 25.782.214.917           | 21.617.690.966           |
| Chi phí tài chính                                      | 22        | 6.4         | 17.491.938.099           | 12.166.336.539           |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>                       | 23        |             | 14.808.210.750           | 19.289.168.405           |
| Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh    | 24        |             | 2.117.153.532            | 5.087.608.793            |
| Chi phí bán hàng                                       | 25        | 6.5         | 16.001.135.997           | 12.098.885.021           |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp                           | 26        | 6.6         | 40.252.673.374           | 44.019.723.064           |
| <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>         | <b>30</b> |             | <b>78.803.465.112</b>    | <b>47.221.633.952</b>    |
| Thu nhập khác                                          | 31        | 6.7         | 6.429.458.347            | 2.318.383.736            |
| Chi phí khác                                           | 32        | 6.8         | 4.949.188.722            | 411.838.081              |
| <b>Lợi nhuận khác</b>                                  | <b>40</b> |             | <b>1.480.269.625</b>     | <b>1.906.545.655</b>     |
| <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>               | <b>50</b> |             | <b>80.283.734.737</b>    | <b>49.128.179.607</b>    |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành           | 51        | 6.10        | 15.286.419.075           | 9.301.435.168            |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại            | 52        |             | -                        | -                        |
| <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>        | <b>60</b> |             | <b>64.997.315.662</b>    | <b>39.826.744.439</b>    |
| <b>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ</b>   | <b>61</b> |             | <b>35.108.151.243</b>    | <b>21.170.090.565</b>    |
| <b>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát</b>  | <b>62</b> |             | <b>29.889.164.419</b>    | <b>18.656.653.874</b>    |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu                               | 70        | 6.11        | 1.058                    | 737                      |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu                             | 71        | 6.11        | 1.058                    | 737                      |

Ngày 23 tháng 03 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thủy Tiên

Nguyễn Thị Thủy Tiên

Bùi Quang Minh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Theo phương pháp gián tiếp)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU                                                                                         | Mã số     | Năm 2021                | Năm 2020                |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------------------|-------------------------|
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>                                                   |           |                         |                         |
| Lợi nhuận trước thuế                                                                             | 01        | 80.283.734.737          | 50.495.782.183          |
| Điều chỉnh cho các khoản                                                                         |           |                         |                         |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư                                                | 02        | 7.992.119.577           | 8.123.724.140           |
| - Các khoản dự phòng                                                                             | 03        | 1.606.491.342           | (19.942.408.879)        |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ       | 04        | 1.897.910.843           | 273.960.342             |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư                                                                    | 05        | (57.655.803.461)        | (33.588.342.540)        |
| - Chi phí lãi vay                                                                                | 06        | 14.808.210.750          | 19.289.168.406          |
| - Các khoản điều chỉnh khác                                                                      | 07        | -                       | -                       |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                                    | 08        | 48.932.663.788          | 24.651.883.652          |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu                                                                  | 09        | (35.475.947.163)        | 58.787.289.398          |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho                                                                        | 10        | (156.775.828.920)       | 28.406.624.862          |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11        | 157.798.744.300         | 17.382.089.016          |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước                                                                   | 12        | 2.584.416.797           | 4.293.515.343           |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh                                                              | 13        | -                       | -                       |
| - Tiền lãi vay đã trả                                                                            | 14        | (18.164.734.292)        | (21.901.170.856)        |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                                              | 15        | (20.791.709.860)        | (10.655.806.722)        |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                                                          | 16        | -                       | -                       |
| - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh                                                          | 17        | (348.263.000)           | (100.985.000)           |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                             | <b>20</b> | <b>(22.240.658.350)</b> | <b>100.863.439.693</b>  |
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                                                       |           |                         |                         |
| Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác                        | 21        | (1.840.446.435)         | (2.422.547.795)         |
| Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn                          | 22        | 118.181.818             | 145.454.546             |
| Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                             | 23        | (59.900.000.000)        | (104.655.000.001)       |
| Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác                                         | 24        | 79.790.000.000          | 43.101.275.920          |
| Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                                          | 25        | (10.188.750.000)        | (115.226.990.000)       |
| Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                                      | 26        | 8.175.000.000           | 35.779.459.000          |
| Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                              | 27        | 60.957.279.666          | 58.939.782.214          |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                                                 | <b>30</b> | <b>77.111.265.049</b>   | <b>(84.338.566.116)</b> |



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Theo phương pháp gián tiếp) (Tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

| CHỈ TIÊU                                                                                | Mã số     | Năm 2021               | Năm 2020              |
|-----------------------------------------------------------------------------------------|-----------|------------------------|-----------------------|
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>                                           |           |                        |                       |
| Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                             | 31        | -                      | 57.600.000.000        |
| Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32        | -                      | -                     |
| Tiền thu từ đi vay                                                                      | 33        | 660.001.849.481        | 637.051.849.097       |
| Tiền trả nợ gốc vay                                                                     | 34        | (647.286.459.337)      | (665.746.402.188)     |
| Tiền trả nợ thuê tài chính                                                              | 35        | -                      | -                     |
| Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                                                 | 36        | (12.360.542.600)       | (28.206.198.000)      |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>                                     | <b>40</b> | <b>354.847.544</b>     | <b>699.248.909</b>    |
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>                                                  |           |                        |                       |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>                                                 | <b>60</b> | <b>50.979.960.339</b>  | <b>33.755.837.853</b> |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                 | 61        | -                      | -                     |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>                                                | <b>70</b> | <b>106.205.414.582</b> | <b>50.979.960.339</b> |

Ngày 23 tháng 03 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thủy Tiên

Nguyễn Thị Thủy Tiên

Bùi Quang Minh



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông được thành lập theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0300377536 đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 10 năm 2000, và các đăng ký thay đổi sau đó với lần gần đây nhất (lần thứ 16) vào ngày 24 tháng 09 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 355.107.890.000 đồng.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:**

Lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty là sản xuất, thương mại.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp:**

Công ty có Văn phòng chính đặt tại 806 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

**Tổng số các công ty con: 01 (một) công ty**

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 01 (một) công ty

Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0 (không)

**Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất**

| Tên công ty                   | Địa chỉ trụ sở chính                                                                     | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|-------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực | Lô A2-8 Đường N5, KCN Tây Bắc Củ Chi, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh | 51,03%        | 51,03%                 |

**Danh sách các công ty liên kết được hợp nhất**

| Tên công ty                                    | Địa chỉ trụ sở chính                                                                 | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần Ấn Tượng Việt                  | Lầu 2, số 84, KP4, đường 30/4, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai | 45,00%        | 45,00%                 |
| Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông    | 102A Phó Cơ Điều, phường 4, quận 11, Tp Hồ Chí Minh                                  | 44,74%        | 44,74%                 |
| Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô | 29 Phan Đình Phùng, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ                                | 41,48%        | 41,48%                 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt   | 252 Lạc Long Quân, phường 10, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh                         | 38,70%        | 38,70%                 |
| Công ty Cổ phần Chè Minh Rong                  | Thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng                                     | 27,04%        | 27,04%                 |



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

### 2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

#### Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty mẹ và Công ty con áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

### 3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### 4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Nhóm Công ty.

#### 4.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 4.2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông ("Công ty mẹ") và Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực ("Công ty con") (dưới đây gọi tắt là "Nhóm Công ty"). Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của Công ty con khác với chính sách kế toán được áp dụng thống nhất trong Nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của Công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa các Công ty trong cùng Nhóm Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của Công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Nhóm Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

#### 4.3. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Nhóm Công ty trong giá hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ), được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Tổng Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được gộp trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được khấu hao.

#### 4.4. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Nhóm Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### 4.5. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).



**4.6. Các giao dịch ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc năm kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

**4.7. Nợ phải thu**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Nhóm Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

**4.8. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được thể hiện là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư 48/2019/TT-BTC ban hành ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

**4.9. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

***Tài sản cố định hữu hình***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Nhóm Công ty như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|-----------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc      | 06 – 25       |
| Máy móc, thiết bị           | 05 – 12       |
| Phương tiện vận tải         | 06            |
| Thiết bị dụng cụ quản lý    | 03            |
| Tài sản cố định khác        | 03            |

***Tài sản cố định vô hình***

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Nhóm Công ty như sau:

- Phần mềm máy vi tính khấu hao trong 03 năm;
- Quyền sử dụng đất có thời gian khấu hao trong 39 năm;
- Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không khấu hao.

### 4.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

### 4.11. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

### 4.12. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

### 4.13. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ phải trả cho nhà cung cấp của Nhóm Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

### 4.14. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm các chi phí liên quan đến giá vốn cung cấp dịch vụ và chi phí quản lý doanh nghiệp. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### 4.15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### 4.16. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### *Các quỹ*

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

#### *Phân phối lợi nhuận*

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.



#### 4.17. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Nhóm Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

#### 4.18. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Nhóm Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện, lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, dự phòng đầu tư tài chính dài hạn.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

#### 4.19. Thuế

**Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):**

Thuế suất thuế GTGT đối với các hàng hóa, dịch vụ của Nhóm Công ty là 5% và 10%.

**Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):**

Nhóm Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính hợp nhất và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

**Các loại thuế khác:** theo quy định hiện hành của Việt Nam.

#### 4.20. Công cụ tài chính

**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Nhóm Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Nhóm Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### 4.21. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Nhóm Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

#### 4.22. Lãi cơ bản/ Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

**5.1 Tiền**

|                      | 31/12/2021<br>(VND)    | 01/01/2021<br>(VND)   |
|----------------------|------------------------|-----------------------|
| - Tiền mặt           | 254.300.205            | 216.111.202           |
| - Tiền gửi ngân hàng | 105.951.114.377        | 50.763.849.137        |
| <b>Cộng</b>          | <b>106.205.414.582</b> | <b>50.979.960.339</b> |

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính**

**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

|                                                                                                      | 31/12/2021<br>(VND)   |                       | 01/01/2021<br>(VND)   |                       |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                                                                                      | Giá gốc               | Giá trị ghi sổ        | Giá gốc               | Giá trị ghi sổ        |
| Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây Sài Gòn (*) | 71.648.807.671        | 71.648.807.671        | 64.998.807.671        | 64.998.807.671        |
| Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Hưng Đạo                        | -                     | -                     | 800.000.000           | 800.000.000           |
| <b>Cộng</b>                                                                                          | <b>71.648.807.671</b> | <b>71.648.807.671</b> | <b>65.798.807.671</b> | <b>65.798.807.671</b> |

(\*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây Sài Gòn, kỳ hạn 12 tháng trở xuống, lãi suất từ 3,7%/năm đến 4,9%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG**  
 Địa chỉ: 806 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**b. Đầu tư tài chính dài hạn**  
 Đầu tư vào công ty liên kết liên doanh

|                                                  | 31/12/2021    |                        |                                            | 01/01/2021    |                        |                                            |
|--------------------------------------------------|---------------|------------------------|--------------------------------------------|---------------|------------------------|--------------------------------------------|
|                                                  | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Giá trị ghi sổ theo phương pháp VCSH (VND) | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Giá trị ghi sổ theo phương pháp VCSH (VND) |
| - Công ty Cổ phần An Tượng Việt                  | 45,00%        | 45,00%                 | 45.000.000.000                             | 45,00%        | 45,00%                 | 45.000.000.000                             |
| - Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông    | 44,74%        | 44,74%                 | 82.614.769.717                             | 44,74%        | 44,74%                 | 78.170.534.460                             |
| - Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô | 41,48%        | 41,48%                 | 25.993.038.250                             | 41,48%        | 41,48%                 | 26.056.782.012                             |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt   | 38,70%        | 38,70%                 | 45.822.730.729                             | 38,70%        | 38,70%                 | 37.956.994.255                             |
| - Công ty Cổ phần Chè Minh Rừng                  | 27,04%        | 27,04%                 | 6.340.391.351                              | 27,04%        | 27,04%                 | 6.280.715.788                              |
| <b>Cộng</b>                                      |               |                        | <b>205.770.930.047</b>                     |               |                        | <b>193.465.026.515</b>                     |



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Đầu tư vào công ty khác**

|                                                     | 31/12/2021<br>(VND)    | 01/01/2021<br>(VND) |                |                        |                    |                |
|-----------------------------------------------------|------------------------|---------------------|----------------|------------------------|--------------------|----------------|
|                                                     | Giá gốc                | Dự phòng            | Giá trị hợp lý | Giá gốc                | Dự phòng           | Giá trị hợp lý |
| - Công ty Cổ phần Tac Paritas                       | 80.000.000.000         | -                   | (*)            | 80.000.000.000         | -                  | (*)            |
| - Công ty Cổ phần Văn hoá Giáo dục Việt Mỹ          | 60.855.440.000         | -                   | (*)            | 60.855.440.000         | -                  | (*)            |
| - Công ty Cổ phần Nhà hàng Tâm An                   | 416.000.000            | -                   | (*)            | 416.000.000            | -                  | (*)            |
| - Công ty Cổ phần Ứng dụng Khoa học Tâm Lý Hồn Việt | 337.500.000            | 337.500.000         | (*)            | 337.500.000            | 337.500.000        | (*)            |
| <b>Cộng</b>                                         | <b>141.608.940.000</b> | <b>337.500.000</b>  | <b>(*)</b>     | <b>141.608.940.000</b> | <b>337.500.000</b> | <b>(*)</b>     |

(\*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để thuyết minh theo quy định tại Điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính của các Công ty trên và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh. Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính nêu trên có thể khác với giá trị ghi sổ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

|                                                                   | 31/12/2021<br>(VND)    | 01/01/2021<br>(VND)    |
|-------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| <b>Các khách hàng là bên liên quan</b>                            | <b>37.204.673.400</b>  | <b>31.933.161.220</b>  |
| - Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực                             | 29.468.445.806         | 29.468.445.806         |
| - Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hoá Tây Đô                  | 5.017.000.000          | -                      |
| - Công ty Cổ phần Văn Hoá Giáo Dục Việt Mỹ                        | 2.719.227.594          | 2.464.715.414          |
| <b>Các khách hàng độc lập</b>                                     | <b>243.881.469.507</b> | <b>189.637.016.267</b> |
| - Công ty TNHH MTV In báo Nhân Dân TP.HCM                         | 38.211.302.935         | 30.634.389.301         |
| - Công ty Cổ Phần In Số 7                                         | 23.928.586.948         | 20.237.357.773         |
| - Công ty TNHH MTV Văn hóa Đại Việt Á                             | 14.401.423.771         | 11.337.139.298         |
| - Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Văn hóa Hương Trang          | 12.349.894.191         | 13.991.222.701         |
| - Công ty Cổ Phần Đầu tư Quảng cáo Song Hành                      | 10.163.404.526         | 12.946.184.924         |
| - Công ty Cổ phần Thương mại In Nhật Nam                          | 10.092.618.600         | 3.631.626.967          |
| - Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Sao Mai Vi Na    | 9.699.145.003          | 9.699.145.003          |
| - Công ty TNHH Văn hóa Trí Đức Thái Thịnh                         | 8.782.741.096          | 3.763.636.739          |
| - Công ty TNHH Giải pháp Bao bì xanh                              | 8.462.059.725          | -                      |
| - Công ty Cổ phần Hóa chất và Xơ sợi Maruni                       | 6.774.377.194          | -                      |
| - Công ty TNHH Văn hóa In Sản xuất Thương mại Dịch vụ Liên Trường | 5.207.801.188          | 2.726.039.332          |
| - Các khách hàng khác                                             | 95.808.114.330         | 80.670.274.229         |
| <b>Cộng</b>                                                       | <b>281.086.142.907</b> | <b>221.570.177.487</b> |

**5.4 Trả trước cho người bán**

|                                                            | 31/12/2021<br>(VND)  | 01/01/2021<br>(VND)   |
|------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------------|
| <b>Các nhà cung cấp là bên liên quan</b>                   | <b>6.527.395.957</b> | <b>6.527.395.957</b>  |
| - Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực                      | 6.527.395.957        | 6.527.395.957         |
| <b>Các nhà cung cấp độc lập</b>                            | <b>1.877.016.845</b> | <b>32.274.134.129</b> |
| - Công ty Cổ phần Tac Paritas                              | -                    | 29.045.223.303        |
| - Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thiết bị PCCC Thanh Niên | 708.400.000          | 708.400.000           |
| - Các nhà cung cấp khác                                    | 1.168.616.845        | 2.520.510.826         |
| <b>Cộng</b>                                                | <b>8.404.412.802</b> | <b>38.801.530.086</b> |



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.5 Phải thu ngắn hạn khác**

|                                                                                                     | 31/12/2021           |                    | 01/01/2021            |                    |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|--------------------|-----------------------|--------------------|
|                                                                                                     | Giá trị              | Dự phòng           | Giá trị               | Dự phòng           |
| Tạm ứng                                                                                             | 172.322.135          | -                  | 140.324.000           | -                  |
| Ký cược, ký quỹ (i)                                                                                 | 205.000.000          | -                  | 210.000.000           | -                  |
| Bảo hiểm xã hội nộp thừa                                                                            | -                    | -                  | 3.935.409             | -                  |
| <b>Phải thu ngắn hạn khác</b>                                                                       | <b>5.416.742.111</b> | <b>130.000.000</b> | <b>14.283.048.038</b> | <b>130.000.000</b> |
| <b>Phải thu ngắn hạn khác là bên liên quan</b>                                                      | <b>22.687.671</b>    | -                  | -                     | -                  |
| - Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ                                                          | 22.687.671           | -                  | -                     | -                  |
| <b>Phải thu ngắn hạn khác các bên độc lập</b>                                                       | <b>5.394.054.440</b> | <b>130.000.000</b> | <b>14.283.048.038</b> | <b>130.000.000</b> |
| - Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây | 1.247.956.698        | -                  | 1.901.761.315         | -                  |
| - Công ty Cổ phần Ứng dụng Khoa học Tâm Lý Hồn Việt                                                 | 1.624.148.800        | -                  | 1.624.148.800         | -                  |
| - Công ty Cổ phần Tac Paritas                                                                       | 811.367.123          | -                  | 895.248.217           | -                  |
| - Công ty Cổ phần Nhà hàng Tâm An                                                                   | 670.000.000          | -                  | 665.000.000           | -                  |
| - Các đối tượng khác                                                                                | 1.040.581.819        | 130.000.000        | 9.196.889.706         | 130.000.000        |
| <b>Cộng</b>                                                                                         | <b>5.794.064.246</b> | <b>130.000.000</b> | <b>14.637.307.447</b> | <b>130.000.000</b> |

**5.6 Phải thu về cho vay**

**a. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

|                           | 31/12/2021           | 01/01/2021 |
|---------------------------|----------------------|------------|
|                           | (VND)                | (VND)      |
| - Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên | 2.000.000.000        | -          |
| - Ông Vũ Đình Hòa         | 5.674.000.000        | -          |
| <b>Cộng</b>               | <b>7.674.000.000</b> | <b>-</b>   |

(i) Chi tiết như sau:

| Khách hàng                | Số hợp đồng            | Ngày ký    | Kỳ hạn  | Lãi suất | Giá trị              |
|---------------------------|------------------------|------------|---------|----------|----------------------|
| - Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên | 02/04/HĐVV/2021/GIẤYTL | 02/04/2021 | 1 năm   | 7%/năm   | 2.000.000.000        |
| - Ông Vũ Đình Hòa         | 10/03/HĐVV/2021/GIẤYTL | 10/03/2021 | 9 tháng | 7%/năm   | 5.674.000.000        |
| <b>Cộng</b>               |                        |            |         |          | <b>7.674.000.000</b> |

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**b. Phải thu về cho vay dài hạn**

|                                                      | 31/12/2021            | 01/01/2021            |
|------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                                      | (VND)                 | (VND)                 |
| <b>Phải thu dài hạn khác các bên liên quan</b>       | <b>22.200.000.000</b> | <b>-</b>              |
| - Công ty Cổ phần Văn hoá Giáo dục Việt Mỹ (i)       | 22.200.000.000        | -                     |
| <b>Phải thu dài hạn khác các bên độc lập</b>         | <b>43.950.000.000</b> | <b>97.740.000.000</b> |
| - Công ty Cổ phần Tac Paritas                        | 43.950.000.000        | 50.740.000.000        |
| - Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Thương mại Khánh Hội | -                     | 47.000.000.000        |
| <b>Cộng</b>                                          | <b>66.150.000.000</b> | <b>97.740.000.000</b> |

(i) Chi tiết như sau:

| Khách hàng                                 | Số hợp đồng                                                                                                                                     | Ngày ký    | Kỳ hạn                                 | Lãi suất | Giá trị               |
|--------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|----------------------------------------|----------|-----------------------|
| - Công ty Cổ phần Văn hoá Giáo dục Việt Mỹ | Hợp đồng vay vốn số 03122021/HĐV V/VĐ-VM ngày 03/12/2021                                                                                        | 03/12/2021 | Từ ngày 03/12/2021 đến ngày 02/12/2023 | 7%/năm   | 22.200.000.000        |
| - Công ty Cổ phần Tac Paritas              | Hợp đồng 01/HĐVV/2017/VĐ-PA ngày 01/02/2017 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng vay vốn số 01 ngày 30/01/2018 và phụ lục 02 ngày 30/12/2020 | 01/02/2017 | Từ ngày 01/02/2017 đến ngày 31/12/2022 | 7%/năm   | 43.950.000.000        |
| <b>Cộng</b>                                |                                                                                                                                                 |            |                                        |          | <b>66.150.000.000</b> |

**5.7 Nợ xấu**

|                                                                                                              | 31/12/2021            |                        | 01/01/2021            |                        |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
|                                                                                                              | Giá gốc               | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc               | Giá trị có thể thu hồi |
| Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi: | 86.310.245.304        | 29.529.344.262         | 65.073.553.638        | 13.692.372.570         |
| - Từ 03 năm trở lên                                                                                          | 39.559.280.180        | -                      | 41.692.342.710        | -                      |
| - Từ 02 đến dưới 03 năm                                                                                      | 6.791.831.741         | 2.037.543.273          | 3.478.634.187         | 958.481.811            |
| - Từ 01 đến dưới 02 năm                                                                                      | 2.397.961.893         | 1.198.980.946          | 6.293.523.517         | 3.207.553.502          |
| - Dưới 01 năm                                                                                                | 37.561.171.490        | 26.292.820.043         | 13.609.053.224        | 9.526.337.257          |
| <b>Cộng</b>                                                                                                  | <b>86.310.245.304</b> | <b>29.529.344.262</b>  | <b>65.073.553.638</b> | <b>13.692.372.570</b>  |



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Tình hình biến động các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

|                              | Năm 2021<br>(VND)     | Năm 2020<br>(VND)     |
|------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Số đầu năm                   | 51.381.181.068        | 45.342.848.851        |
| Trích lập dự phòng trong năm | 8.756.382.594         | 8.717.684.881         |
| Hoàn nhập dự phòng trong năm | (1.289.682.315)       | (2.679.352.664)       |
| Xử lý số dư công nợ lâu năm  | (2.066.980.305)       | -                     |
| <b>Số cuối năm</b>           | <b>56.780.901.042</b> | <b>51.381.181.068</b> |

**5.8 Hàng tồn kho**

|             | 31/12/2021<br>(VND)    |                    | 01/01/2021<br>(VND)   |                      |
|-------------|------------------------|--------------------|-----------------------|----------------------|
|             | Giá gốc                | Dự phòng           | Giá gốc               | Dự phòng             |
| Thành phẩm  | 4.128.604.788          | 327.000.000        | 3.810.205.604         | 327.000.000          |
| Hàng hóa    | 240.124.476.938        | 271.091.530        | 83.667.047.202        | 4.064.320.162        |
| <b>Cộng</b> | <b>244.253.081.726</b> | <b>598.091.530</b> | <b>87.477.252.806</b> | <b>4.391.320.162</b> |

**5.9 Chi phí trả trước**

**a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

|                             | 31/12/2021<br>(VND) | 01/01/2021<br>(VND) |
|-----------------------------|---------------------|---------------------|
| - Công cụ, dụng cụ          | 142.104.088         | 46.784.303          |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 12.860.667          | 45.659.205          |
| <b>Cộng</b>                 | <b>154.964.755</b>  | <b>92.443.508</b>   |

**b. Chi phí trả trước dài hạn**

|                              | 31/12/2021<br>(VND) | 01/01/2021<br>(VND)  |
|------------------------------|---------------------|----------------------|
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài  | 95.635.730          | 256.529.756          |
| - Chi phí sửa chữa           | 336.289.238         | 605.320.634          |
| - Công cụ, dụng cụ xuất dùng | 191.591.669         | 1.518.529.618        |
| <b>Cộng</b>                  | <b>623.516.637</b>  | <b>2.380.380.008</b> |

**5.10 Lợi thế thương mại**

|                      | Năm 2021<br>(VND)    | Năm 2020<br>(VND)    |
|----------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm           | 5.340.448.040        | 6.230.522.713        |
| Tăng trong năm trước | -                    | -                    |
| Phân bổ trong năm    | (890.074.673)        | (890.074.673)        |
| <b>Số cuối năm</b>   | <b>4.450.373.367</b> | <b>5.340.448.040</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG**  
Địa chỉ: 806 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.11 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

|                                       | Nhà cửa, vật kiến trúc<br>(VND) | Máy móc, thiết bị<br>(VND) | Phương tiện vận tải<br>(VND) | Thiết bị dụng cụ<br>quản lý<br>(VND) | Cộng<br>(VND)          |
|---------------------------------------|---------------------------------|----------------------------|------------------------------|--------------------------------------|------------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                     |                                 |                            |                              |                                      |                        |
| 01/01/2021                            | 83.711.450.028                  | 9.968.551.643              | 8.252.007.397                | 2.528.033.307                        | 104.460.042.375        |
| Mua trong năm                         | -                               | 596.912.145                | -                            | -                                    | 596.912.145            |
| Đầu tư XDCB hoàn thành                | 1.154.086.366                   | -                          | -                            | -                                    | 1.154.086.366          |
| Thanh lý, nhượng bán                  | -                               | -                          | (258.759.616)                | -                                    | (258.759.616)          |
| <b>31/12/2021</b>                     | <b>84.865.536.394</b>           | <b>10.565.463.788</b>      | <b>7.993.247.781</b>         | <b>2.528.033.307</b>                 | <b>105.952.281.270</b> |
| <b>Trong đó:</b>                      |                                 |                            |                              |                                      |                        |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 12.363.840.089                  | 5.074.124.112              | 2.869.327.417                | 1.758.302.143                        | 22.065.593.761         |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                |                                 |                            |                              |                                      |                        |
| 01/01/2021                            | 32.284.899.377                  | 8.692.733.044              | 6.097.249.822                | 2.103.264.815                        | 49.178.147.058         |
| Khấu hao trong năm                    | 6.384.939.355                   | 610.100.173                | 600.902.309                  | 167.320.376                          | 7.763.262.213          |
| Thanh lý, nhượng bán                  | -                               | -                          | (258.759.616)                | -                                    | (258.759.616)          |
| <b>31/12/2021</b>                     | <b>38.669.838.732</b>           | <b>9.302.833.217</b>       | <b>6.439.392.515</b>         | <b>2.270.585.191</b>                 | <b>56.682.649.655</b>  |
| <b>Giá trị còn lại</b>                |                                 |                            |                              |                                      |                        |
| 01/01/2021                            | 51.426.550.651                  | 1.275.818.599              | 2.154.757.575                | 424.768.492                          | 55.281.895.317         |
| <b>31/12/2021</b>                     | <b>46.195.697.662</b>           | <b>1.262.630.571</b>       | <b>1.553.855.266</b>         | <b>257.448.116</b>                   | <b>49.269.631.615</b>  |



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.12 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

|                                             | Quyền sử dụng<br>đất lâu dài (*)<br>(VND) | Quyền sử dụng<br>đất có thời hạn (*)<br>(VND) | Phần mềm vi<br>tính<br>(VND) | Cộng<br>(VND)         |
|---------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------------------|------------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá                                  |                                           |                                               |                              |                       |
| 01/01/2021                                  | 18.751.415.355                            | 7.726.577.193                                 | 452.034.723                  | 26.930.027.271        |
| Tăng trong năm                              | -                                         | -                                             | -                            | -                     |
| Giảm trong năm                              | -                                         | -                                             | -                            | -                     |
| <b>31/12/2021</b>                           | <b>18.751.415.355</b>                     | <b>7.726.577.193</b>                          | <b>452.034.723</b>           | <b>26.930.027.271</b> |
| Trong đó:                                   |                                           |                                               |                              |                       |
| Đã khấu hao hết<br>nhưng vẫn còn sử<br>dụng | -                                         | -                                             | 298.334.723                  | 298.334.723           |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                      |                                           |                                               |                              |                       |
| 01/01/2021                                  | -                                         | 2.294.558.117                                 | 361.428.597                  | 2.655.986.714         |
| Khấu hao trong năm                          | -                                         | 198.117.360                                   | 30.740.004                   | 228.857.364           |
| Giảm trong năm                              | -                                         | -                                             | -                            | -                     |
| <b>31/12/2021</b>                           | <b>-</b>                                  | <b>2.492.675.477</b>                          | <b>392.168.601</b>           | <b>2.884.844.078</b>  |
| <b>Giá trị còn lại</b>                      |                                           |                                               |                              |                       |
| 01/01/2021                                  | 18.751.415.355                            | 5.432.019.076                                 | 90.606.126                   | 24.274.040.557        |
| <b>31/12/2021</b>                           | <b>18.751.415.355</b>                     | <b>5.233.901.716</b>                          | <b>59.866.122</b>            | <b>24.045.183.193</b> |

(\*) Chi tiết:

**Quyền sử dụng đất lâu dài**

Thửa đất số 174, 180, 181, 182 tại lô số 174-180-181-182, khu 10, khu đô thị mới Vĩnh Hòa, phường Vĩnh Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**Quyền sử dụng đất có thời hạn**

Thửa đất số 338 tại Lô A2-8 đường N5, KCN Tây Bắc Củ Chi, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh

**Cộng**

| Diện tích (m2) | Số tiền<br>(VND)      |
|----------------|-----------------------|
| 1.062,40       | 18.751.415.355        |
| 8.940,30       | 7.726.577.193         |
|                | <b>26.477.992.548</b> |

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.13 Phải trả người bán ngắn hạn**

|                                               | 31/12/2021<br>(VND)    |                          | 01/01/2021<br>(VND)    |                          |
|-----------------------------------------------|------------------------|--------------------------|------------------------|--------------------------|
|                                               | Giá trị                | Số có khả năng<br>trả nợ | Giá trị                | Số có khả<br>năng trả nợ |
| <b>Các nhà cung cấp là bên liên quan</b>      | <b>18.532.275</b>      | <b>18.532.275</b>        | -                      | -                        |
| - Công ty Cổ phần Văn hoá Giáo dục Việt Mỹ    | 18.532.275             | 18.532.275               | -                      | -                        |
| <b>Các nhà cung cấp độc lập</b>               | <b>230.327.495.235</b> | <b>230.327.495.235</b>   | <b>111.993.159.153</b> | <b>111.993.159.153</b>   |
| - Công ty Hokuetsu Corporation Japan          | 40.766.567.114         | 40.766.567.114           | -                      | -                        |
| - Công ty NP International (s) Pte. Ltd Japan | 39.248.320.181         | 39.248.320.181           | 4.088.983.924          | 4.088.983.924            |
| - Công ty Moorim P&P Co., LTD Korea           | 38.601.480.561         | 38.601.480.561           | 15.172.482.314         | 15.172.482.314           |
| - Công ty Cổ Phần Tac Paritas                 | 30.194.896.755         | 30.194.896.755           | -                      | -                        |
| - Công ty Gold East Trading (HK) Ltd          | 29.563.311.981         | 29.563.311.981           | 24.552.599.651         | 24.552.599.651           |
| - Pearson Education South Asia Pte Co., Ltd   | -                      | -                        | 3.765.104.326          | 3.765.104.326            |
| - Các nhà cung cấp khác                       | 51.952.918.643         | 51.952.918.643           | 64.413.988.938         | 64.413.988.938           |
| <b>Cộng</b>                                   | <b>230.346.027.510</b> | <b>230.346.027.510</b>   | <b>111.993.159.153</b> | <b>111.993.159.153</b>   |

**5.14 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

|                                       | 31/12/2021<br>(VND)   | 01/01/2021<br>(VND)   |
|---------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>Các khách hàng độc lập</b>         |                       |                       |
| - Công ty Cổ phần In Tổng hợp Cần Thơ | 49.174.227.021        | 11.296.239.375        |
| - Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam   | 5.213.363.352         | -                     |
| - Các khách hàng khác                 | 3.098.321.518         | 169.808.693           |
| <b>Cộng</b>                           | <b>57.485.911.891</b> | <b>11.466.048.068</b> |



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

|                              | 31/12/2021<br>(VND)  |                       | 01/01/2021<br>(VND)  |                       |
|------------------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
|                              | Giá trị              | Số có khả năng trả nợ | Giá trị              | Số có khả năng trả nợ |
| - Thuế giá trị gia tăng      | -                    | -                     | 1.344.466.854        | 1.344.466.854         |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp | 8.155.905.369        | 8.155.905.369         | 6.961.144.021        | 6.961.144.021         |
| - Thuế thu nhập cá nhân      | 127.396.241          | 127.396.241           | 134.791.810          | 134.791.810           |
| - Thuế đất                   | 1.046.302.084        | 1.046.302.084         | 1.503.134.080        | 1.503.134.080         |
| <b>Cộng</b>                  | <b>9.329.603.694</b> | <b>9.329.603.694</b>  | <b>9.943.536.765</b> | <b>9.943.536.765</b>  |

Quyết toán thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn**

|                              | 31/12/2021<br>(VND) | 01/01/2021<br>(VND) |
|------------------------------|---------------------|---------------------|
| - Chi phí lãi vay phải trả   | 507.198.024         | -                   |
| - Chi phí dịch vụ thuê ngoài | 57.000.000          | -                   |
| <b>Cộng</b>                  | <b>564.198.024</b>  | <b>-</b>            |

**5.17 Phải trả ngắn hạn khác**

|                                                                             | 31/12/2021<br>(VND)   | 01/01/2021<br>(VND)  |
|-----------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------|
| Kinh phí công đoàn                                                          | 347.615.512           | 248.858.202          |
| Bảo hiểm bắt buộc                                                           | 14.036.786            | -                    |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn                                               | 479.820.000           | 285.300.000          |
| Phải trả khác                                                               | 20.307.297.280        | 2.547.001.813        |
| - <b>Phải trả ngắn hạn khác các bên liên quan</b>                           | <b>20.033.400.000</b> | <b>1.517.868.267</b> |
| - Công ty Cổ phần Văn Hóa Giáo dục Việt Mỹ                                  | -                     | 478.408.767          |
| - Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông                               | 19.230.400.000        | -                    |
| - Bùi Quang Minh                                                            | 803.000.000           | 1.039.459.500        |
| - <b>Phải trả ngắn hạn khác các bên độc lập</b>                             | <b>273.897.280</b>    | <b>1.029.133.546</b> |
| - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây Sài Gòn | -                     | 687.318.533          |
| - Các khoản phải trả ngắn hạn khác                                          | 273.897.280           | 341.815.013          |
| <b>Cộng</b>                                                                 | <b>21.148.769.578</b> | <b>3.081.160.015</b> |

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.18 Vay và nợ thuê tài chính**

**a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

|                                                                                 | 01/01/2021<br>(VND)    | Tăng trong năm<br>(VND) | Giảm trong năm<br>(VND)  | 31/12/2021<br>(VND)    |
|---------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-------------------------|--------------------------|------------------------|
| <b>Vay ngân hàng</b>                                                            | <b>280.695.397.336</b> | <b>625.101.849.481</b>  | <b>(603.971.459.337)</b> | <b>301.825.787.480</b> |
| - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây Sài Gòn (1) | 214.878.899.342        | 471.259.644.022         | (452.558.074.776)        | 233.580.468.588        |
| - Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Quận 5 - Tp. Hồ Chí Minh        | 65.816.497.994         | 153.842.205.459         | (151.413.384.561)        | 68.245.318.892         |
| <b>Cộng</b>                                                                     | <b>280.695.397.336</b> | <b>625.101.849.481</b>  | <b>(603.971.459.337)</b> | <b>301.825.787.480</b> |

(1) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây Sài Gòn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/2317695/HĐTD ngày 01/09/2021 với hạn mức vay 550.000.000.000 đồng. Trong đó dư nợ và bảo lãnh thanh toán tối đa là 300.000.000.000 đồng. Mục đích là bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C, thời hạn cấp hạn mức từ ngày hợp đồng đến ngày 31/08/2022. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản là bất động sản, động sản, GTCG và các loại tài sản khác của Công ty và/hoặc của bên thứ ba đủ điều kiện thế chấp/cầm cố theo quy định sao cho tỷ lệ tài sản đảm bảo tối thiểu 50% tổng dư nợ, bảo lãnh và phát hành L/C tại mọi thời điểm. Đến 31/12/2021, tỷ lệ tài sản bảo đảm tối thiểu là 70%.

(2) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Quận 5 theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 201907480016 ngày 24/06/2021 với hạn mức tín dụng là 103.000.000.000 đồng và hạn mức LC trả ngay là 1.500.000,00 USD với mục đích bổ sung vốn kinh doanh. Thời hạn cấp hạn mức 1 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất cấp tín dụng trong hạn được quy định trong từng văn kiện tín dụng cụ thể. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản là các Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc sở hữu của ông Bùi Quang Mẫn - bà Nguyễn Thị Thu; hàng hóa là giấy các loại thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực - giấy nhập khẩu hoặc mua nội địa thanh toán trực tiếp qua Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Quận 5. Tổng giá trị tài sản đảm bảo là 121.381.428.571 đồng.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

| <b>b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>              |                             |                                 |                                 |                             |
|---------------------------------------------------------|-----------------------------|---------------------------------|---------------------------------|-----------------------------|
|                                                         | <b>01/01/2021<br/>(VND)</b> | <b>Tăng trong năm<br/>(VND)</b> | <b>Giảm trong năm<br/>(VND)</b> | <b>31/12/2021<br/>(VND)</b> |
| - Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ (*)          | 7.715.000.000               | 34.400.000.000                  | (42.115.000.000)                | -                           |
| - Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Văn hóa Thanh Trúc | 700.000.000                 | 500.000.000                     | (1.200.000.000)                 | -                           |
| <b>Cộng</b>                                             | <b>8.415.000.000</b>        | <b>34.900.000.000</b>           | <b>(43.315.000.000)</b>         | <b>-</b>                    |

(\*) là khoản vay của bên liên quan.

**5.19 Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

|                                       | <b>Năm 2021<br/>(VND)</b> | <b>Năm 2020<br/>(VND)</b> |
|---------------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Số dư đầu năm                         | 3.023.393.423             | 1.494.378.423             |
| Tăng do trích lập lợi nhuận trong năm | 343.929.000               | 1.630.000.000             |
| Giảm trong năm                        | (348.263.000)             | (100.985.000)             |
| <b>Số dư cuối năm</b>                 | <b>3.019.059.423</b>      | <b>3.023.393.423</b>      |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIÊN ĐÔNG**  
Địa chỉ: 806 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.20 Vốn chủ sở hữu**

*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

|                                             | <b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VND)</b> | <b>Thặng dư vốn cổ phần (VND)</b> | <b>Vốn khác của chủ sở hữu (VND)</b> | <b>Quỹ đầu tư phát triển (VND)</b> | <b>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (VND)</b> | <b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (VND)</b> | <b>Lợi ích cổ đông không kiểm soát (VND)</b> | <b>Cộng (VND)</b>      |
|---------------------------------------------|----------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------------|------------------------------------------------|----------------------------------------------|------------------------|
| 01/01/2020                                  | 280.739.390.000                        | 3.254.265.000                     | 2.967.606.986                        | 15.324.659.007                     | 105.844.658                                | 93.536.625.176                                 | 83.818.390.057                               | 479.746.780.884        |
| Lãi trong năm nay                           | -                                      | -                                 | -                                    | -                                  | -                                          | 21.170.090.565                                 | 18.656.653.874                               | 39.826.744.439         |
| Chia cổ tức bằng cổ phiếu trong năm nay     | 28.061.310.000                         | -                                 | -                                    | -                                  | -                                          | (28.061.310.000)                               | -                                            | -                      |
| Công ty con tăng vốn                        | -                                      | -                                 | -                                    | -                                  | -                                          | -                                              | 28.206.200.000                               | 28.206.200.000         |
| Công ty con chia cổ tức                     | -                                      | -                                 | -                                    | -                                  | -                                          | -                                              | (28.206.200.000)                             | (28.206.200.000)       |
| Công ty con trích quỹ phúc lợi              | -                                      | -                                 | -                                    | -                                  | -                                          | (765.450.000)                                  | (734.550.000)                                | (1.500.000.000)        |
| Trích quỹ phúc lợi trong năm nay            | -                                      | -                                 | -                                    | -                                  | -                                          | (130.000.000)                                  | -                                            | (130.000.000)          |
| <b>31/12/2020</b>                           | <b>308.800.700.000</b>                 | <b>3.254.265.000</b>              | <b>2.967.606.986</b>                 | <b>15.324.659.007</b>              | <b>105.844.658</b>                         | <b>85.749.955.741</b>                          | <b>101.740.493.931</b>                       | <b>517.943.525.323</b> |
| 01/01/2021                                  | 308.800.700.000                        | 3.254.265.000                     | 2.967.606.986                        | 15.324.659.007                     | 105.844.658                                | 85.749.955.741                                 | 101.740.493.931                              | 517.943.525.323        |
| Lãi trong năm nay                           | -                                      | -                                 | -                                    | -                                  | -                                          | 35.108.151.243                                 | 29.889.164.419                               | 64.997.315.662         |
| Chia cổ tức bằng cổ phiếu trong năm nay (i) | 46.307.190.000                         | -                                 | -                                    | -                                  | -                                          | (46.307.190.000)                               | -                                            | -                      |
| Trích quỹ đầu tư phát triển năm nay (ii)    | -                                      | -                                 | -                                    | (6.898.859.518)                    | -                                          | -                                              | -                                            | (6.898.859.518)        |
| Công ty con chia cổ tức                     | -                                      | -                                 | -                                    | -                                  | -                                          | -                                              | (31.590.942.600)                             | (31.590.942.600)       |
| Trích quỹ phúc lợi trong năm nay (i)        | -                                      | -                                 | -                                    | -                                  | -                                          | (343.929.000)                                  | -                                            | (343.929.000)          |
| <b>31/12/2021</b>                           | <b>355.107.890.000</b>                 | <b>3.254.265.000</b>              | <b>2.967.606.986</b>                 | <b>8.425.799.489</b>               | <b>105.844.658</b>                         | <b>74.206.987.984</b>                          | <b>100.038.715.750</b>                       | <b>544.107.109.867</b> |



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

(i): Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 số 01.21 NQ/VID-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 04 năm 2021 về việc thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020.

(ii): Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 07.21 QĐ/VID-HĐQT ngày 10 tháng 08 năm 2021 về việc xử lý số tiền phạt vi phạm hành chính về thuế. Công ty đã sử dụng Quỹ đầu tư phát triển để bù đắp khoản tiền truy thu thuế năm 2015 và 2016 theo Quyết định số 994/QĐ-CT ngày 19 tháng 04 năm 2021 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế. Công ty sẽ báo cáo kết quả sử dụng Quỹ đầu tư phát triển đến Cổ đông tại Đại hội đồng Cổ đông gần nhất.

**Cổ phiếu**

|                                     | 31/12/2021<br>(VND) | 01/01/2021<br>(VND) |
|-------------------------------------|---------------------|---------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 35.510.789          | 30.880.070          |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành      | 35.510.789          | 30.880.070          |
| - Cổ phiếu phổ thông                | 35.510.789          | 30.880.070          |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành     | 35.510.789          | 30.880.070          |
| - Cổ phiếu phổ thông                | 35.510.789          | 30.880.070          |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

|                                  | Năm 2021<br>(VND)     | Năm 2020<br>(VND)     |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b> |                       |                       |
| Vốn góp đầu năm                  | 308.800.700.000       | 280.739.390.000       |
| Vốn góp tăng trong năm           | 46.307.190.000        | 28.061.310.000        |
| Vốn góp giảm trong năm           | -                     | -                     |
| Vốn góp cuối năm                 | 355.107.890.000       | 308.800.700.000       |
| <b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b> | <b>46.307.190.000</b> | <b>28.061.310.000</b> |
| Chia cổ tức bằng cổ phiếu        | 46.307.190.000        | 28.061.310.000        |

**6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT HỢP NHẤT****6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

|                                      | Năm 2021<br>(VND)        | Năm 2020<br>(VND)        |
|--------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>Tổng doanh thu</b>                | <b>1.063.513.531.840</b> | <b>1.088.981.800.788</b> |
| - Doanh thu bán hàng hóa             | 806.327.300.520          | 875.654.481.910          |
| - Doanh thu bán thành phẩm           | 249.756.885.900          | 203.900.115.138          |
| - Doanh thu cung cấp dịch vụ         | 7.429.345.420            | 9.427.203.740            |
| <b>Các khoản giảm trừ doanh thu:</b> | <b>-</b>                 | <b>-</b>                 |
| <b>Doanh thu thuần</b>               | <b>1.063.513.531.840</b> | <b>1.088.981.800.788</b> |

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Doanh thu đối với các bên liên quan**

|                                                  | Năm 2021<br>(VND)      | Năm 2020<br>(VND)     |
|--------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|
| - Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn Hóa Tây Đô | 134.146.566.603        | 15.132.284            |
| - Công ty Cổ phần Thương Mại Toàn Lực            | 90.000.000             | 647.635.750           |
| - Công ty Cổ phần Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông    | 92.563.400.478         | 14.207.271.577        |
| - Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ       | 5.372.537.327          | 7.621.296.428         |
| <b>Cộng</b>                                      | <b>232.172.504.408</b> | <b>22.491.336.039</b> |

**6.2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

|                                  | Năm 2021<br>(VND)      | Năm 2020<br>(VND)        |
|----------------------------------|------------------------|--------------------------|
| - Giá vốn hàng hóa               | 729.322.244.530        | 830.070.231.022          |
| - Giá vốn thành phẩm             | 209.541.443.177        | 170.130.550.952          |
| - Giá vốn cung cấp dịch vụ       | -                      | -                        |
| - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | -                      | (20.260.003)             |
| <b>Cộng</b>                      | <b>938.863.687.707</b> | <b>1.000.180.521.971</b> |

**6.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

|                                    | Năm 2021<br>(VND)     | Năm 2020<br>(VND)     |
|------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| - Lãi tiền gửi ngân hàng           | 6.843.445.752         | 5.971.637.479         |
| - Lãi cho vay (i)                  | 3.416.197.533         | 3.931.033.164         |
| - Cổ tức, lợi nhuận được chia (ii) | 14.363.307.500        | 10.985.973.500        |
| - Lãi từ chuyển nhượng cổ phần     | -                     | 570.761.000           |
| - Lãi chênh lệch tỷ giá            | 1.159.264.132         | 158.285.823           |
| <b>Cộng</b>                        | <b>25.782.214.917</b> | <b>21.617.690.966</b> |

**(i) Lãi cho vay cho bên liên quan**

|                                            | Năm 2021<br>(VND) | Năm 2020<br>(VND)  |
|--------------------------------------------|-------------------|--------------------|
| - Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ | 22.687.671        | 116.963.288        |
| <b>Cộng</b>                                | <b>22.687.671</b> | <b>116.963.288</b> |

**(ii) Cổ tức, lợi nhuận được chia từ bên liên quan**

|                                                  | Năm 2021<br>(VND)     | Năm 2020<br>(VND)    |
|--------------------------------------------------|-----------------------|----------------------|
| - Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông    | 9.233.294.000         | -                    |
| - Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ       | 4.196.654.000         | 964.440.000          |
| - Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn Hóa Tây Đô | 933.359.500           | 742.070.000          |
| - Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng                  | -                     | 4.219.424.000        |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt   | -                     | 2.868.750.000        |
| <b>Cộng</b>                                      | <b>14.363.307.500</b> | <b>8.794.684.000</b> |



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**6.4. Chi phí tài chính**

|                               | Năm 2021<br>(VND)     | Năm 2020<br>(VND)     |
|-------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| - Chi phí lãi vay             | 14.808.210.750        | 19.289.168.405        |
| - Hoàn nhập chi phí dự phòng  | -                     | (25.960.481.092)      |
| - Lỗ từ chuyển nhượng cổ phần | -                     | 17.410.319.149        |
| - Lỗ chênh lệch tỷ giá        | 2.683.727.349         | 1.427.330.077         |
| <b>Cộng</b>                   | <b>17.491.938.099</b> | <b>12.166.336.539</b> |

**6.5. Chi phí bán hàng**

|                              | Năm 2021<br>(VND)     | Năm 2020<br>(VND)     |
|------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| - Chi phí nhân viên bán hàng | 1.567.729.093         | 1.276.391.372         |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài  | 2.688.723.600         | 2.639.941.990         |
| - Chi phí bằng tiền khác     | 11.744.683.304        | 8.182.551.659         |
| <b>Cộng</b>                  | <b>16.001.135.997</b> | <b>12.098.885.021</b> |

**6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

|                                      | Năm 2021<br>(VND)     | Năm 2020<br>(VND)     |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| - Chi phí nhân viên quản lý          | 10.145.440.605        | 9.773.018.185         |
| - Chi phí đồ dùng, vật liệu quản lý  | 116.340.567           | 1.986.919.004         |
| - Chi phí khấu hao TSCĐ              | 7.992.119.577         | 8.123.724.140         |
| - Thuế, phí và lệ phí                | 3.551.076.385         | 6.078.152.787         |
| - (Hoàn nhập)/trích chi phí dự phòng | 7.466.700.279         | 6.038.332.217         |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài          | 7.688.621.271         | 8.946.765.167         |
| - Chi phí bằng tiền khác             | 3.292.374.690         | 3.072.811.564         |
| <b>Cộng</b>                          | <b>40.252.673.374</b> | <b>44.019.723.064</b> |

**6.7. Thu nhập khác**

|                                | Năm 2021<br>(VND)    | Năm 2020<br>(VND)    |
|--------------------------------|----------------------|----------------------|
| - Thu nhập từ thanh lý tài sản | 118.181.818          | 145.454.546          |
| - Thu nhập từ xử lý công nợ    | 4.491.905.221        | -                    |
| - Thu tiền chiết khấu          | 897.462.217          | 1.726.913.240        |
| - Thu nhập khác                | 921.909.091          | 446.015.950          |
| <b>Cộng</b>                    | <b>6.429.458.347</b> | <b>2.318.383.736</b> |

**6.8. Chi phí khác**

|                               | Năm 2021<br>(VND)    | Năm 2020<br>(VND)  |
|-------------------------------|----------------------|--------------------|
| - Nộp phạt vi phạm hành chính | 4.503.658.827        | 370.066.625        |
| - Chi phí khác                | 445.529.895          | 41.771.456         |
| <b>Cộng</b>                   | <b>4.949.188.722</b> | <b>411.838.081</b> |

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

|                                    | Năm 2021<br>(VND)      | Năm 2020<br>(VND)      |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|
| - Chi phí nhân viên                | 237.677.041.578        | 188.933.374.235        |
| - Chi phí nguyên vật liệu, đồ dùng | 8.883.773.809          | 9.318.227.882          |
| - Chi phí khấu hao TSCĐ            | 7.992.119.577          | 8.123.724.140          |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 22.125.737.399         | 19.772.968.040         |
| - Chi phí bằng tiền khác           | 6.384.711.678          | 8.628.905.254          |
| <b>Cộng</b>                        | <b>283.063.384.041</b> | <b>234.777.199.551</b> |

**6.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

|                             | Năm 2021<br>(VND)     | Năm 2020<br>(VND)    |
|-----------------------------|-----------------------|----------------------|
| - Phát sinh tại công ty mẹ  | -                     | 137.495.591          |
| - Phát sinh tại công ty con | 15.286.419.075        | 9.163.939.577        |
| <b>Cộng</b>                 | <b>15.286.419.075</b> | <b>9.301.435.168</b> |

**6.11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

|                                                                                                                        | Năm 2021<br>(VND) | Năm 2020<br>(VND) |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp                                                                       | 35.108.151.243    | 21.170.090.565    |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: |                   |                   |
| <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>                                                                                       | (343.929.000)     | (130.000.000)     |
| <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>                                                                                       | (343.929.000)     | (130.000.000)     |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông                                                                | 34.764.222.243    | 21.040.090.565    |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm                                                                   | 32.859.227        | 28.558.285        |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>                                                                                        | <b>1.058</b>      | <b>737</b>        |
| <b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>                                                                                      | <b>1.058</b>      | <b>737</b>        |

(\*) Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm tàng vào ngày kết thúc năm tài chính.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

**7.1. Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm, các giao dịch không bằng tiền như sau:

|                                                                               | Năm 2021<br>(VND) | Năm 2020<br>(VND) |
|-------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Lãi cho vay chưa thu được bằng tiền                                           | 1.578.554.465     | 1.621.558.630     |
| Lãi tiền gửi ngân hàng chưa thu được bằng tiền                                | 1.247.956.698     | 4.136.791.072     |
| Mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác chưa thanh toán | 20.574.588        | 110.022.512       |
| Chi phí lãi vay chưa trả                                                      | 507.198.204       | 1.165.727.300     |
| Lãi nhập vốn                                                                  | 6.387.032         | -                 |
| Thanh lý khoản đầu tư chưa thu tiền                                           | -                 | 8.175.000.000     |
| Cổ tức chưa trả                                                               | 19.230.400.000    | -                 |

**8 THÔNG TIN KHÁC**

**8.1. Các khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và các thông tin tài chính khác: không có**

**8.2. Thông tin về các bên có liên quan**

**Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

**Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:**

|                                            | Năm 2021<br>(VND)    | Năm 2020<br>(VND)  |
|--------------------------------------------|----------------------|--------------------|
| <b>Lương và thưởng Ban Tổng Giám đốc</b>   | <b>624.722.830</b>   | <b>807.517.808</b> |
| Ông Bùi Quang Minh - Tổng Giám đốc         | 252.680.000          | 402.515.384        |
| Ông Bùi Quang Khoa - Phó Tổng Giám đốc     | 112.302.598          | 117.318.424        |
| Bà Nguyễn Thị Thu - Phó Tổng Giám đốc      | 259.740.232          | 287.684.000        |
| <b>Thù lao và thưởng Hội đồng Quản trị</b> | <b>592.500.000</b>   | -                  |
| Ông Bùi Quang Mẫn - Chủ tịch               | 340.500.000          | -                  |
| Bà Nguyễn Thị Thu - Phó Chủ tịch           | 99.000.000           | -                  |
| Ông Trần Hoàng Nghĩa - Thành viên          | 49.500.000           | -                  |
| Ông Bùi Quang Khoa - Thành viên            | 49.500.000           | -                  |
| Bà Phạm Thị Như Ngọc - Thành viên          | 49.500.000           | -                  |
| Bà Trần Thị Thủy Tiên - Thành viên         | 4.500.000            | -                  |
| <b>Thù lao và thưởng Ban kiểm soát</b>     | <b>114.000.000</b>   | -                  |
| Bà Lê Thị Minh Giang - Trưởng Ban          | 51.000.000           | -                  |
| Bà Trần Thị Thanh Thủy - Thành viên        | 31.500.000           | -                  |
| Bà Bùi Thị Ngọc Yến - Thành viên           | 31.500.000           | -                  |
| <b>Cộng</b>                                | <b>1.331.222.830</b> | <b>807.517.808</b> |

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Trong năm tài chính các nghiệp vụ của Công ty với các thành viên chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

|                           | Năm 2021<br>(VND) | Năm 2020<br>(VND) |
|---------------------------|-------------------|-------------------|
| <b>Ông Bùi Quang Minh</b> |                   |                   |
| Mượn tiền                 | 1.248.000.000     | 8.185.000.000     |
| Trả tiền mượn             | 1.484.459.500     | 7.658.940.500     |

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

|                         | 31/12/2021<br>(VND) | 01/01/2021<br>(VND)  |
|-------------------------|---------------------|----------------------|
| <b>Phải trả khác</b>    | <b>803.000.000</b>  | <b>1.039.459.500</b> |
| Ông Bùi Quang Minh      | 803.000.000         | 1.039.459.500        |
| <b>Cộng nợ phải trả</b> | <b>803.000.000</b>  | <b>1.039.459.500</b> |

**Các bên liên quan:**

Các bên được xem là các bên có liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Trong năm tài chính và tại ngày kết thúc năm tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Nhóm Công ty:

| Bên liên quan                                    | Mối quan hệ                      |
|--------------------------------------------------|----------------------------------|
| - Công ty Cổ phần Ấn Tượng Việt                  | Công ty liên kết                 |
| - Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông    | Công ty liên kết                 |
| - Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô | Công ty liên kết                 |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt   | Công ty liên kết                 |
| - Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng                  | Công ty liên kết                 |
| - Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực            | Cùng thành viên quản lý chủ chốt |
| - Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ       | Cùng thành viên quản lý chủ chốt |

**Nghệ vụ với các bên liên quan:**

Trong năm tài chính các nghiệp vụ của Công ty với các bên có liên quan như sau:

|                                                       | Năm 2021<br>(VND) | Năm 2020<br>(VND) |
|-------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| <b>Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông</b>    |                   |                   |
| Bán hàng hóa                                          | 92.563.400.478    | 14.207.271.577    |
| Cổ tức được chia                                      | 9.233.294.000     | -                 |
| Cổ tức phải trả                                       | 23.076.480.000    | -                 |
| Cổ tức đã chia                                        | 3.846.080.000     | -                 |
| <b>Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô</b> |                   |                   |
| Bán hàng                                              | 134.146.566.603   | 15.132.284        |
| Cho mượn tiền                                         | 5.300.000.000     | -                 |
| Thu tiền cho mượn                                     | 5.300.000.000     | -                 |
| Cổ tức được chia                                      | 933.359.500       | 742.070.000       |



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

|                                                     | Năm 2021<br>(VND) | Năm 2020<br>(VND) |
|-----------------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| <b>Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt</b> |                   |                   |
| Cổ tức được chia                                    | -                 | 2.868.750.000     |
| Góp vốn đầu tư vào công ty liên kết                 | 10.188.750.000    | -                 |
| <b>Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng</b>                |                   |                   |
| Cổ tức được chia                                    | -                 | 4.219.424.000     |
| <b>Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực</b>          |                   |                   |
| Mua hàng                                            | -                 | 224.063.652       |
| Bán hàng                                            | 90.000.000        | 647.635.750       |
| <b>Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ</b>     |                   |                   |
| Bán hàng                                            | 5.372.537.327     | 7.621.296.428     |
| Mua hàng hóa                                        | 47.575.165        | -                 |
| Vay tiền                                            | 34.400.000.000    | 23.265.000.000    |
| Trả tiền vay                                        | 42.115.000.000    | 24.550.000.000    |
| Lãi vay                                             | 790.583.835       | 638.497.809       |
| Trả tiền lãi vay                                    | 1.268.992.602     | -                 |
| Cho vay                                             | 25.500.000.000    | 7.720.000.000     |
| Thu nợ vay                                          | 3.300.000.000     | 7.720.000.000     |
| Lãi cho vay                                         | 35.287.671        | 116.963.288       |
| Cổ tức được chia                                    | 4.196.654.000     | 964.440.000       |
| Cổ tức phải trả                                     | 7.708.062.600     | -                 |
| Cổ tức đã chia                                      | 7.708.062.600     | -                 |

**Số dư với các bên liên quan:**

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu, phải trả của Công ty với các bên có liên quan được thể hiện như sau:

|                                                       | 31/12/2021<br>(VND)   | 01/01/2021<br>(VND)   |
|-------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực</b>            |                       |                       |
| Phải thu tiền hàng                                    | 29.468.445.806        | 29.468.445.806        |
| Ứng trước tiền hàng                                   | 6.527.395.957         | 6.527.395.957         |
| <b>Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô</b> |                       |                       |
| Phải thu tiền hàng                                    | 5.017.000.000         | -                     |
| <b>Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ</b>       |                       |                       |
| Phải thu tiền hàng                                    | 2.719.227.594         | 2.464.715.414         |
| Phải thu tiền cho vay                                 | 22.200.000.000        | -                     |
| Phải thu lãi tiền cho vay                             | 22.687.671            | -                     |
| <b>Cộng nợ phải thu</b>                               | <b>65.954.757.028</b> | <b>38.460.557.177</b> |
| <b>Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông</b>    |                       |                       |
| Phải trả khác                                         | 19.230.400.000        | -                     |
| <b>Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ</b>       |                       |                       |
| Phải trả người bán ngắn hạn                           | 18.532.275            | -                     |
| Phải trả tiền vay                                     | -                     | 7.715.000.000         |
| Phải trả lãi vay                                      | -                     | 478.408.767           |
| <b>Cộng nợ phải trả</b>                               | <b>19.248.932.275</b> | <b>8.193.408.767</b>  |

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**8.3. Công cụ tài chính**

Nhóm Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Nhóm Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Nhóm Công ty.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa.

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Nhóm Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Nhóm Công ty.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Nhóm Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Nhóm Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay và các công cụ tài chính khác.

*Phải thu khách hàng*

Nhóm Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Nhóm Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Nhóm Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Nhóm Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

*Tiền gửi ngân hàng*

Nhóm Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Nhóm Công ty theo chính sách của Nhóm Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Nhóm Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Nhóm Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Nhóm Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Nhóm Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Nhóm Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Nhóm Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Nhóm Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

|                                     | Dưới 1 năm<br>(VND)      | Từ 1 năm trở lên<br>(VND) | Tổng cộng<br>(VND)      |
|-------------------------------------|--------------------------|---------------------------|-------------------------|
| <b>31/12/2021</b>                   |                          |                           |                         |
| <b>Giá trị ghi sổ:</b>              |                          |                           |                         |
| Tiền và các khoản tương đương tiền  | 106.205.414.582          | -                         | 106.205.414.582         |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn     | 71.648.807.671           | -                         | 71.648.807.671          |
| Phải thu khách hàng                 | 281.086.142.907          | -                         | 281.086.142.907         |
| Các khoản phải thu khác             | 5.794.064.246            | 300.000.000               | 6.094.064.246           |
| Phải thu về cho vay                 | 7.674.000.000            | 66.150.000.000            | 73.824.000.000          |
| <b>Trừ:</b>                         |                          |                           |                         |
| Dự phòng                            | (55.592.568.893)         | -                         | (55.592.568.893)        |
| <b>Tổng cộng</b>                    | <b>416.815.860.513</b>   | <b>66.450.000.000</b>     | <b>483.265.860.513</b>  |
| <b>31/12/2021</b>                   |                          |                           |                         |
| Phải trả cho người bán              | 230.346.027.510          | -                         | 230.346.027.510         |
| Phải trả khác                       | 21.148.769.578           | -                         | 21.148.769.578          |
| Chi phí phải trả                    | 564.198.024              | -                         | 564.198.024             |
| Vay và nợ thuê tài chính            | 301.825.787.480          | -                         | 301.825.787.480         |
| <b>Tổng cộng</b>                    | <b>553.884.782.592</b>   | -                         | <b>553.884.782.592</b>  |
| <b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b> | <b>(137.068.922.079)</b> | <b>66.450.000.000</b>     | <b>(70.618.922.079)</b> |

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

|                                     | Dưới 1 năm<br>(VND)     | Từ 1 năm trở lên<br>(VND) | Tổng cộng<br>(VND)     |
|-------------------------------------|-------------------------|---------------------------|------------------------|
| <b>01/01/2021</b>                   |                         |                           |                        |
| <b>Giá trị ghi sổ:</b>              |                         |                           |                        |
| Tiền và các khoản tương đương tiền  | 50.979.960.339          | -                         | 50.979.960.339         |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn     | 65.798.807.671          | -                         | 65.798.807.671         |
| Phải thu khách hàng                 | 221.570.177.487         | -                         | 221.570.177.487        |
| Phải thu về cho vay                 | 14.637.307.447          | -                         | 14.637.307.447         |
| Các khoản phải thu khác             | -                       | 97.740.000.000            | 97.740.000.000         |
| <b>Trừ:</b>                         |                         |                           |                        |
| Dự phòng                            | (50.192.848.919)        | -                         | (50.192.848.919)       |
| <b>Tổng cộng</b>                    | <b>302.793.404.025</b>  | <b>97.740.000.000</b>     | <b>400.533.404.025</b> |
| <b>01/01/2021</b>                   |                         |                           |                        |
| Phải trả cho người bán              | 111.993.159.153         | -                         | 111.993.159.153        |
| Phải trả khác                       | 3.081.160.015           | -                         | 3.081.160.015          |
| Chi phí phải trả                    | -                       | -                         | -                      |
| Vay và nợ thuê tài chính            | 280.695.397.336         | 8.415.000.000             | 289.110.397.336        |
| <b>Tổng cộng</b>                    | <b>395.769.716.504</b>  | <b>8.415.000.000</b>      | <b>404.184.716.504</b> |
| <b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b> | <b>(92.976.312.479)</b> | <b>89.325.000.000</b>     | <b>(3.651.312.479)</b> |

Nhóm Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Nhóm Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng

|                                    | Giá trị kế toán        |                        | Giá trị hợp lý         |                        |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
|                                    | 31/12/2021<br>(VND)    | 01/01/2021<br>(VND)    | 31/12/2021<br>(VND)    | 01/01/2021<br>(VND)    |
| <b>Tài sản tài chính</b>           |                        |                        |                        |                        |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 106.205.414.582        | 50.979.960.339         | 106.205.414.582        | 50.979.960.339         |
| Chứng khoán kinh doanh             | 71.648.807.671         | 65.798.807.671         | 71.648.807.671         | 65.798.807.671         |
| Phải thu khách hàng                | 281.086.142.907        | 221.570.177.487        | 225.623.574.014        | 171.507.328.568        |
| Các khoản phải thu khác            | 6.094.064.246          | 14.637.307.447         | 5.964.064.246          | 14.507.307.447         |
| Phải thu về cho vay                | 73.824.000.000         | 97.740.000.000         | 73.824.000.000         | 97.740.000.000         |
| <b>Tổng cộng</b>                   | <b>538.858.429.406</b> | <b>450.726.252.944</b> | <b>483.265.860.513</b> | <b>400.533.404.025</b> |
| <b>Nợ phải trả tài chính</b>       |                        |                        |                        |                        |
| Phải trả cho người bán             | 230.346.027.510        | 111.993.159.153        | 230.346.027.510        | 111.993.159.153        |
| Chi phí phải trả                   | 564.198.024            | -                      | 564.198.024            | -                      |
| Phải trả khác                      | 21.148.769.578         | 3.081.160.015          | 21.148.769.578         | 3.081.160.015          |
| Vay và nợ thuê tài chính           | 301.825.787.480        | 289.110.397.336        | 301.825.787.480        | 289.110.397.336        |
| <b>Tổng cộng</b>                   | <b>553.884.782.592</b> | <b>404.184.716.504</b> | <b>553.884.782.592</b> | <b>404.184.716.504</b> |



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2021 và ngày 01/01/2021. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

**8.4. Tính hoạt động liên tục của Nhóm Công ty**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Nhóm Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

**8.5. Thông tin về bộ phận**

Nhóm Công ty báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo các lĩnh vực hoạt động, bao gồm: lĩnh vực thương mại - bán hàng hóa và thành phẩm. Chi tiết báo cáo bộ phận theo từng ngành nghề như sau:

|                                                     | Bán hàng hóa,<br>thành phẩm, vật tư<br>(VND) | Dịch vụ<br>(VND)     | Năm 2021<br>(VND)      |
|-----------------------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------|------------------------|
| Doanh thu thuần theo bộ phận                        | 1.056.084.186.420                            | 7.429.345.420        | 1.063.513.531.840      |
| Giá vốn hàng bán theo bộ phận                       | (938.863.687.707)                            | -                    | (938.863.687.707)      |
| <b>Lợi nhuận gộp theo bộ phận</b>                   | <b>117.220.498.713</b>                       | <b>7.429.345.420</b> | <b>124.649.844.133</b> |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận              |                                              |                      | (56.253.809.371)       |
| <b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>            |                                              |                      | <b>68.396.034.762</b>  |
| Doanh thu tài chính                                 |                                              |                      | 25.782.214.917         |
| Chi phí tài chính                                   |                                              |                      | (17.491.938.099)       |
| Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh |                                              |                      | 2.117.153.532          |
| Thu nhập khác                                       |                                              |                      | 6.429.458.347          |
| Chi phí khác                                        |                                              |                      | (4.949.188.722)        |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành        |                                              |                      | (15.286.419.075)       |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại         |                                              |                      | -                      |
| <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>     |                                              |                      | <b>64.997.315.662</b>  |

**8.6. Thông tin so sánh**

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 Năm 2020 của Nhóm Công ty đã được kiểm toán.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**8.7. Các sự kiện quan trọng phát sinh trong năm tài chính**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 số 01.21 NQ/VID-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 04 năm 2021 về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 03.21 QĐ/VID-HĐQT ngày 26 tháng 05 năm 2021 về thông qua triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020. Cụ thể số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành là 4.632.010 cổ phiếu tương ứng 46.320.100.000 đồng và tăng vốn điều lệ lên thành 355.120.800.000 đồng. Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 06.21 QĐ/VID-HĐQT ngày 07 tháng 07 năm 2021 về kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức thì tổng số cổ phiếu đã phân phối là 4.630.719 cổ phiếu tương đương 46.307.190.000 đồng. Tổng số cổ phiếu lưu hành sau đợt phát hành là: 35.510.789 cổ phiếu tương đương vốn điều lệ là 355.107.890.000 đồng. Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh đã chấp thuận cho Công ty được thay đổi niêm yết chứng khoán kể từ ngày 29 tháng 07 năm 2021 theo Quyết định số 386/QĐ-SGDHCM ngày 27 tháng 07 năm 2021.

Trong năm, Công ty nhận được Quyết định số 994/QĐ-CT ngày 19 tháng 04 năm 2021 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế. Theo Quyết định này Công ty bị truy thu thuế với số tiền 6.898.859.518 đồng và phạt chậm nộp, phạt vi phạm hành chính với số tiền 4.217.244.488 đồng. Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 07.21 QĐ/VID-HĐQT ngày 10 tháng 08 năm 2021 thống nhất thông qua dùng Quỹ đầu tư phát triển của Công ty để bù đắp cho khoản tiền truy thu và thống nhất đưa số tiền phạt chậm nộp và phạt vi phạm hành chính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện quan trọng nào phát sinh trong năm cần được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

**8.8. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Hiện nay tình hình COVID-19 tiếp tục có những diễn biến khó lường và có những sự không chắc chắn. Trên thế giới, dịch bệnh vẫn đang có những diễn biến xấu và chưa được kiểm soát. Sự không chắc chắn này đặt ra các câu hỏi về sự suy giảm giá trị của một số tài sản nhất định và gây ảnh hưởng tiêu cực tới tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của Công ty. Do tình hình diễn biến phức tạp nên sự ảnh hưởng của dịch bệnh vẫn chưa được đánh giá đầy đủ. Tuy nhiên rất có thể đại dịch COVID - 19 sẽ tiếp tục ảnh hưởng đáng kể tới doanh thu và kết quả hoạt động trong giai đoạn tiếp theo của Công ty, mức độ cụ thể phụ thuộc vào thời gian kéo dài của dịch bệnh và tình hình kiểm soát của Chính phủ.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày lập Bảng cân đối kế toán (ngày 31 tháng 12 năm 2021) cho đến thời điểm lập Báo cáo này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Thủy Tiên

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thủy Tiên

Ngày 23 tháng 03 năm 2022

TỔNG GIÁM ĐỐC



Bùi Quang Minh



# BÁO CÁO 2021 THƯỜNG NIÊN



Tp.Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 04 năm 2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG**  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Bùi Quang Mẫn



**Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông**

🏠 Số 806 Âu Cơ, Phường 14, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

☎ 028.38428633

🌐 [www.dautuviendong.vn](http://www.dautuviendong.vn)